SAO Y; VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN; Thời gian ký: 30/10/2023 10:42:14 +07:00

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH LONG AN

Số: 2925/CAT-PC07

V/v đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn PCCC và CNCH đối với các cơ sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long An, ngày 27 tháng 10 năm 2023

UBND TỈNH LONG AN
VĂN PHÒNG UBND TỈNH
ĐẾN Số: 37551
Ngày 30/10/2023
Chuyển: TBNC
Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch số 3784/KH-UBND, ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT, ngày 11/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh và Công văn 3114/UBND-NCTCD, ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh về việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy.

Ngày 15/02/2023, Công an tỉnh ban hành Kế hoạch số 112/KH-CAT-PC07 về kiểm tra an toàn PCCC và CNCH 05 chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo, y tế, ngân hàng, xăng dầu và điện lực. Trên cơ sở đó, Công an tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện tiến hành kiểm tra an toàn PCCC và CNCH **711 cơ sở** *(Mầm non: 255 cơ sở; Tiểu học: 231 cơ sở; Trung học cơ sở 173 cơ sở; Trung học phổ thông: 48 cơ sở; Cao đẳng – Đại học: 04 cơ sở)*, lập 771 biên bản *(trong đó: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh quản lý 40 cơ sở; Công an cấp huyện quản lý 671 cơ sở)*; kết quả kiểm tra như sau:

- Không thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về PCCC: **49 cơ sở** *(Mầm non: 19 cơ sở; Tiểu học: 21 cơ sở; Trung học cơ sở: 09 cơ sở);*

- Thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về PCCC: **662 cơ sở** (*Mầm non: 236 cơ sở; Tiểu học: 210 cơ sở; Trung học cơ sở 164 cơ sở; Trung học phổ thông: 48 cơ sở; Cao đẳng – Đại học: 04 cơ sở*); trong đó:

+ Đã thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC: **138 cơ sở** *(Mầm non 32 cơ sở; Tiểu học 38 cơ sở; Trung học cơ sở: 36 cơ sở; Trung học phổ thông: 29 cơ sở; Cao đẳng – Đại học: 03 cơ sở);*

+ Chưa thẩm duyệt thiết kế về PCCC: **524 cơ sở** *(Mầm non 204 cơ sở; Tiểu học 172 cơ sở; Trung học cơ sở: 128 cơ sở; Trung học phổ thông: 19 cơ sở; Cao đẳng – Đại học: 01 cơ sở).*

Qua thực tế kiểm tra ghi nhận đa số các cơ sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh đều chưa được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định pháp luật *(524 cơ sở; trong đó: Tư nhân 20 cơ sở, Nhà nước 504 cơ sở)*; nguyên nhân là do trước đây, khi được Nhà nước cấp duyệt kinh phí xây dựng mới hoặc cải tạo, không có phần dự trù kinh phí để đầu tư, lắp đặt hệ thống PCCC mà chỉ trang bị phương tiện chữa cháy tại chỗ (bình chữa cháy) là chủ yếu. Bên cạnh đó, hầu hết các công trình, cơ sở trên được xây dựng và hoạt động ổn định từ rất lâu, hạ tầng đã xuống cấp theo thời gian; nguồn kinh phí

đầu tư cho việc trang bị hệ thống, phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định pháp luật về PCCC gặp rất nhiều khó khăn. Đồng thời, trong quá trình kiểm tra, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chỉ tạm dừng ở phần kiến nghị mà không xử lý hành chính. Nếu kiên quyết xử lý vi phạm hành chính và tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở không đảm bảo các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động xã hội, ảnh hưởng đến công tác phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Trước tình hình trên, để tăng cường công tác đảm bảo an toàn PCCC và CNCH tại các cơ sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh, Công an tỉnh kính báo cáo, đề xuất đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm, xem xét và chỉ đạo:

1. Đối với các cơ sở Giáo dục và Đào tạo chưa thẩm duyệt thiết kế về PCCC thuộc tư nhân đầu tư: 20 cơ sở *(Mầm non 16 cơ sở; Tiểu học 01 cơ sở; Trung học phổ thông 03 cơ sở, có Phụ lục 1 kèm theo)*

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị có liên quan yêu cầu chủ cơ sở tiến hành thực hiện các thủ tục về thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo đúng các quy định của pháp luật, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về PCCC **tương ứng với thời điểm cơ sở đưa vào hoạt động** ***(Hoàn thành trong năm 2023).***

2. Đối với các cơ sở Giáo dục và Đào tạo chưa thẩm duyệt thiết kế về PCCC thuộc vốn đầu tư công: 504 cơ sở *(Mầm non 188 cơ sở; Tiểu học 171 cơ sở; Trung học cơ sở: 128 cơ sở; Trung học phổ thông: 16 cơ sở; Cao đẳng – Đại học: 01 cơ sở) (Có Phụ lục 2 kèm theo)*

Giao các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố dự trù kinh phí, lập hồ sơ thiết kế xây dựng và tiến hành thực hiện các thủ tục về thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo đúng các quy định của pháp luật, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về PCCC **tương ứng với thời điểm cơ sở đưa vào hoạt động** ***(Hoàn thành trong Quý I/2024).***

Công an tỉnh kính báo cáo đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh nắm, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đ/c Giám đốc Công an tỉnh;
- Đ/c Phó Giám đốc phụ trách;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Công an các đơn vị có liên quan
- Lưu: Văn thư Công an tỉnh. Hg 10b.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Trần Văn Hà

PHỤ LỤC 1

Danh sách các cơ sở Giáo dục tư nhân chưa thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC

(Kèm theo Công văn số 2925/CAT-PC07, ngày /10/2023 của Công an tỉnh)

MẦM NON 16 CƠ SỞ

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Vốn đầu tư		Quy mô							Thẩm duyệt PCCC	Nghiệm thu PCCC	Năm đưa vào hoạt động
			Tư nhân	Nhà nước	Diện tích (m^2)	Khối tích	Số tầng	Số phòng	Số trẻ					
										0-2t	3-5t			
1	MN An Nông	Khu phố 6, TT Bến Lức	x		4,000	20,000.0	2	15	344	19	325	Thuộc diện	Chưa cấp	2015
2	MN Úc Châu	KDC Nam Long, xã An Thạnh	x		3,368	8,420.0	1	17	166	26	140	Thuộc diện	Chưa cấp	2017
3	MN Ánh Ngọc	76 Ấp 4, Xã Long Hòa, CĐ	x		503	3,773	3	7	0	25	132	Thuộc diện	Chưa cấp	2019
4	MN IQ Cần Đước 2	Ấp Long Thanh Xã Long Trạch	x		1,600	12,000	3	10	150	26	184	Thuộc diện	Chưa cấp	2018
5	MN Phương Trang	187 Khu 1A Thị Trấn Cần Đước	x		500	1,250	1	6	174	30	86	Thuộc diện	Chưa cấp	2007
6	Mầm Non Hạnh Phúc	Ấp 2 - xã long cang	x		792	3,960	2	11	307	32	138	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
7	Mầm Non Minh Hằng	khu phố 3-Thị Trấn Tầm Vu, Châu Thanh	x		1,998	4,995	1	8	235	30	90	Thuộc diện	Chưa cấp	1998
8	Mầm non TT Ánh Dương	Ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà	x		1,224	3,060	1	10	148	40	182	Thuộc diện	Chưa cấp	2020
9	Mầm non TT Bình Minh	Ấp Chánh Hội, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa	x		1,382	3,455	1	10	243	15	140	Thuộc diện	Chưa cấp	2020
10	Mầm non TT Ngôi Sao	ấp Bình Hữu 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa	x		1,400	3,500	1	10	357		130	Thuộc diện	Chưa cấp	2011
11	MN Phương Đông	40, Sương Nguyệt Anh, P4	x		2,200	16,500	3	25	250	40	315	Thuộc diện	Chưa cấp	2003
12	MN Quốc Tế Hoa Mặt Trời	250, Hùng Vương, P2	x		720	5,400	3	8	509	0	100	Thuộc diện	Chưa cấp	2017
13	MN Úc Châu	55 Nguyễn Văn Tạo	x		170	850	2	11	117	18	87	Thuộc diện	Chưa cấp	2017
14	MN Tuổi Thơ	382, QL1, P4	x		1,250	3,125	1	11	185	25	205	Thuộc diện	Chưa cấp	2012
15	MN Hoàng Anh	70, Huynh Văn Tạo, P3	x		542	4,065	3	6	205	20	130	Thuộc diện	Chưa cấp	2010
16	MN Hoa Hồng	xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc	x		1828	9,140.0	2		165	14	187	Thuộc diện	Chưa cấp	2016

TIỂU HỌC 01 CƠ SỞ

	Tên cơ sở	Địa chỉ	Vốn đầu tư		Quy mô					Thẩm duyệt PCCC	Nghiệm thu PCCC	Năm đưa vào hoạt động	GHI CHÚ
			Tư nhân	Nhà nước	Diện tích	Khối tích	Số tầng	Số phòng	Số HS/SV				
1	TH tư thục IQ Cần Đước	Ấp Long Thanh xã Long Trạch	x		2,400	12,000	2	5	81	Thuộc diện	Chưa cấp	2018	Chung CSVC với trường MNIQ

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 03 CƠ SỞ

	Tên cơ sở	Địa chỉ	Vốn đầu tư		Quy mô					Thẩm duyệt PCCC	Nghiệm thu PCCC	Năm đưa vào hoạt động		
			Tư nhân	Nhà nước	Diện tích (m^2)	Khối tích (m^3)	Số tầng	Số phòng	Số HS/SV					
1	Trường TH, THCS và THPT iSchooL Long An	Số 6, đường Mai Thị Non, khu phố 3, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức	x		11,873	89,048	3	27	565	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		

2	Trường TH-THCS& THPT Bồ Đề Phương Duy	K3, Ô1, Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa	x		998	7,485	3	15	770	Thuộc diện	Chưa cấp	2012		
3	Trường THCS&THPT Nguyễn Văn Rành	413, Bình Nam, Bình Tâm, Tp.Tân An	x		3,800	19,000	2	18	90	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		

PHỤ LỤC 2

Danh sách các cơ sở Giáo dục đầu tư công (nhà nước) chưa thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC

(Kèm theo Công văn số 2225/CAT-PC07, ngày /10/2023 của Công an tỉnh)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Vốn đầu tư		Quy mô							Thẩm duyệt PCCC	Nghiệm thu PCCC	Năm đưa vào hoạt
			Tư nhân	Nhà nước	Diện tích (m^2)	Khối tích	Số tầng	Số phòng		Số trẻ				
										0-2t	3-5t			
	MẦM NON	**209 CƠ SỞ**												
	HUYỆN BẾN LỨC													
1	MG Bình Đức	Ấp 4 xã Bình Đức		x	2,507	12,535.0	2	8			150	Thuộc diện	Chưa cấp	1988
2	MG An Thạnh	Ấp 1A, xã An Thạnh		x	1,363	3,407.5	1	11			174	Thuộc diện	Chưa cấp	1982
3	MG Hoa Sen	Khu phố 1, thị trấn Bến Lức		x	4,007	20,037.0	2	21	150		307	Thuộc diện	Chưa cấp	2003
4	MG Long Hiệp	Ấp Chánh, xã Long Hiệp		x	4,277	10,692.5	1	11	174		235	Thuộc diện	Chưa cấp	1999
5	MG Lương Bình	Ấp 4, Lương Bình, Bến Lức		x	2,819	14,095.0	2	14	307		148	Thuộc diện	Chưa cấp	1987
6	MG Lương Hoà	Ấp 6B, xã Lương Hòa		x	6,902	17,255.0	1	15	235		243	Thuộc diện	Chưa cấp	1982
7	MG Mỹ Yên	Ấp 5, xã Mỹ Yên		x	3,538	8,845.0	1	15	148		357	Thuộc diện	Chưa cấp	1982
8	MG Tân Bửu	Ấp 4, xã Tân Bửu		x	3,605	9,012.5	1	3	243		117	Thuộc diện	Chưa cấp	1982
9	MG Thạnh Đức	Ấp 5, xã Thạnh Đức		x	2,444	6,109.2	1	19	357		185	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
10	MG Thạnh Hòa	ẤP 2, xã Thạnh Hòa		x	2,828	7,070.0	1	12	250		205	Thuộc diện	Chưa cấp	1986
11	MG Thạnh Phú	Ấp Phước Tú, xã Thạnh Phú		x	2,706	13,530.0	2	10	509		165	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
12	MG Thạnh Lợi	Ấp 5, xã Thạnh Lợi		x	1,935	4,837.5	1	11	117		158	Thuộc diện	Chưa cấp	1988
13	MN Họa Mi	Khu phố 3, TT Bến Lức		x	5,095	25,475.0	2	19	185	24	269	Thuộc diện	Chưa cấp	1998
14	MN An Nông	Khu phố 6, TT Bến Lức	x		4,000	20,000.0	2	15	205	19	325	Thuộc diện	Chưa cấp	2015
15	MN Úc Châu	KDC Nam Long, xã An Thạnh	x		3,368	8,420.0	1	17	165	26	140	Thuộc diện	Chưa cấp	2017
	HUYỆN CẦN ĐƯỚC													
1	MG Long Cang	ấp 3, xã Long Cang		x	3,395	16,975	2	17	293	0	255	Thuộc diện	Chưa cấp	2015
2	MN thị trấn	Khu 4, thị trấn Cần Đước		x	7,054	35,270	2	28	344	50	440	Thuộc diện	Chưa cấp	2003
3	MG Phước Đông	Ấp 5, xã Phước Đông		x	3,996	9,990	1	17	166	0	218	Thuộc diện	Chưa cấp	2015
4	Mẫu Giáo Phước Tuy	Ấp 3, xã Phước Tuy		x	2,733	6,833	1	12	0	0	188	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
5	MG Long Định	Ấp 1, Xã Long Định		x	8,040	20,100	1	16	255	0	235	Thuộc diện	Chưa cấp	2011
6	MG Long Hựu Đông	Ấp chợ, Xã Long Hựu Đông		x	5,300	13,249	1	18	490	0	271	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
7	MG Long Hựu Tây	Ấp Tây, Xã Long Hựu Tây		x	3,295	8,238	1	8	218	0	212	Thuộc diện	Chưa cấp	2009
8	MG Long khê	Ấp 2, xã Long Khê		x	2,602	13,010	2	15	188	0	220	Thuộc diện	Chưa cấp	2009
9	MG Long Trạch	Ấp Xoài Đôi, xã Long Trạch		x	5,087	12,718	1	17	235	0	249	Thuộc diện	Chưa cấp	2005
10	Mẫu giáo Long Sơn	Ấp 5, xã Long Sơn		x	5,936	14,840	1	18	271	0	169	Thuộc diện	Chưa cấp	2011
11	MG Mỹ Lệ	Ấp Rạch Đào, xã Mỹ Lệ		x	4,463	22,315	2	20	212	0	203	Thuộc diện	Chưa cấp	2002
12	MN Long Hòa	Ấp 4 xã Long Hòa		x	5,400	13,500	1	18	220	25	313	Thuộc diện	Chưa cấp	2012
13	MG Tân Chánh	Ấp Đông Trung- xã Tân Chánh		x	4,719	23,595	2	25	249	0	259	Thuộc diện	Chưa cấp	2005
14	MG Tân Trạch	Ấp 3- Xã Tân Trạch		x	3,000	7,500	1	16	169	0	295	Thuộc diện	Chưa cấp	2006
15	MG Phước Vân	Ấp 4, Xã Phước Vân		x	4,429	11,073	1	11	203	0	271	Thuộc diện	Chưa cấp	2015
16	MG Tân Ân	Ấp 6 xã Tân Ân		x	2,743	6,858	1	17	338	0	222	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
17	MG Tân Lân	Ấp Nhà Trường , xã Tân Lân		x	4,259	10,648	1	17	259	0	225	Thuộc diện	Chưa cấp	2015
18	MN Ánh Ngọc	76 Ấp 4, Xã Long Hòa, CĐ	x		503	3,773	3	7	295	25	132	Thuộc diện	Chưa cấp	2019
19	MN IQ Cần Đước 2	Ấp Long Thanh Xã Long Trạch	x		1,600	12,000	3	10	271	26	184	Thuộc diện	Chưa cấp	2018
20	MN Phương Trang	187 Khu 1A Thị Trấn Cần Đước	x		500	1,250	1	6	222	30	86	Thuộc diện	Chưa cấp	2007
21	Mầm Non Hạnh Phúc	Ấp 2 - xã long cang	x		792	3,960	2	11	225	32	138	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
	HUYỆN CHÂU THÀNH													
1	Mầm Non Bình Quới	Ấp Kỳ Châu, xã Bình Quới, huyện Châu Thành		x	2,203	5,506	1	16	90	18	158	Thuộc diện	Chưa cấp	2005
2	Mẫu Giáo Vĩnh Công	Ấp 8, Vĩnh Công, huyện Châu Thành		x	2,500	12,500	2	7	210	0	186	Thuộc diện	Chưa cấp	1977
3	Mẫu Giáo Hiệp Thạnh	Ấp 8, xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành		x	4,752	11,881	1	11	116	0	130	Thuộc diện	Chưa cấp	1976
4	Mầm Non TT Tầm Vu	Khu phố 2-Thị Trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành		x	9,103	22,758	1	26	170	40	511	Thuộc diện	Chưa cấp	2009
5	Mẫu giáo Dương Xuân Hội	Ấp Vĩnh Xuân A, xã Dương Xuân Hội, huyện Châu Thành		x	2,633	13,166	2	22	0	0	196	Thuộc diện	Chưa cấp	2004

6	Mẫu Giáo Long Trì	Ấp Long Trường, Xã Long Trì, huyện Châu Thành		x	4,057	10,143	1	15	176	0	177	Thuộc diện	Chưa cấp	1976
7	Mẫu Giáo An Lục Long	Ấp Lộ Đá, Xã An Lục Long, Huyện Châu Thành		x	2,438	12,192	2	19	186	0	257	Thuộc diện	Chưa cấp	1984
8	Mẫu Giáo Thanh Phú Long	Ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú Long Huyện Châu Thành		x	3,268	16,340	2	21	130	0	364	Thuộc diện	Chưa cấp	1976
9	Mẫu Giáo Thuận Mỹ	ấp Bình Trị 1, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành		x	4,410	11,025	1	21	551	0	368	Thuộc diện	Chưa cấp	1977
10	Mẫu Giáo Thanh Vĩnh Đông	ấp Xuân hòa, xãThanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành		x	5,922	14,804	1	16	196	0	187	Thuộc diện	Chưa cấp	1995
11	Mẫu Giáo Phước Tân Hưng	Ấp 8. Xã Phước Tân Hưng. huyện Châu Thành		x	2,657	6,642	1	12	177	0	172	Thuộc diện	Chưa cấp	1986
12	Mẫu Giáo Hồ Văn Ngà	Ấp 2, xã Hòa Phú, huyện Châu Thành		x	4,460	11,149	1	14	257	0	139	Thuộc diện	Chưa cấp	2005
13	Mẫu Giáo Phú Ngãi Trị	Ấp Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành		x	2,514	6,286	1	12	364	0	129	Thuộc diện	Chưa cấp	1995
14	Mầm Non Minh Hằng	khu phố 3-Thị Trấn Tầm Vu, Chau Thanh	x		1,998	4,995	1	8	368	30	90	Thuộc diện	Chưa cấp	1998
	HUYỆN ĐỨC HÒA													
1	MG Lộc Giang	Ấp Lộc Thạnh, xã Lộc Giang, Đức Hòa		x	3,012	7,530	1	21	172	0	217	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
2	MG An Ninh Tây	Ấp An Thạnh, xã An Ninh Tây, Đức Hòa		x	4,458	11,145	1	18	139	0	235	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
3	MN Võ Tấn Đồ	Ấp An Hiệp, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa		x	3,849	19,245	2	21	129	10	204	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
4	MG Tân Mỹ	Ấp Chánh Hội, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa		x	3,081	23,108	3	24	120	0	229	Thuộc diện	Chưa cấp	2017
5	MN Sơn Ca	O 7 - Khu B- Thị Trấn Hậu Nghĩa - Đức Hoà		x	9,932	49,660	2	28	50	25	325	Thuộc diện	Chưa cấp	2004
6	MG Hiệp Hòa	Ấp Hòa Thuận 2, Xã Hiệp Hòa, Đức Hòa		x	3,678	9,195	1	14	0	0	180	Thuộc diện	Chưa cấp	2004
7	MN Vành Khuyên	Khu phố 2, thị trấn Hiệp Hòa, Đức Hòa		x	2,575	6,438	1	14	217	10	198	Thuộc diện	Chưa cấp	1985
8	MG Đức Lập Hạ	Ấp Chánh , Xã Đức Lập Hạ , Đức Hòa		x	5,447	27,235	2	8	235	0	245	Thuộc diện	Chưa cấp	2003
9	MN Hòa Khánh Tây	ấp Hóc Thơm 2, xã Hòa Khánh Tây, Đức Hòa		x	1,620	4,050	1	6	214	0	147	Thuộc diện	Chưa cấp	2007
10	MG Hòa Khánh Đông	ấp thôi môi, xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa		x	4,712	23,560	2	15	229	0	170	Thuộc diện	Chưa cấp	2004
11	MG Hòa Khánh Nam	ấp Thuận Hòa 1 xã Hòa Khánh Nam huyện Đức Hòa		x	4,548	22,740	2	18	350	0	243	Thuộc diện	Chưa cấp	2004
12	MG Mỹ Hạnh Nam	Ấp Giồng Lớn Xã Mỹ Hạnh Nam Huyện Đức Hòa		x	5,252	13,129	1	11	180	0	274	Thuộc diện	Chưa cấp	2005
13	MG Mỹ Hạnh Bắc	Ấp Trảm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa		x	4,213	21,065	2	22	208	0	285	Thuộc diện	Chưa cấp	2005
14	MG Nguyễn Văn Phú	Ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, Đức Hòa		x	1,260	6,300	2	9	205		210	Thuộc diện	Chưa cấp	2004
15	Mầm non TT Ánh Dương	Ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà	x		1,224	3,060	1	10	245	40	182	Thuộc diện	Chưa cấp	2020
16	Mầm non TT Bình Minh	Ấp Chánh Hội, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa	x		1,382	3,455	1	10	147	15	140	Thuộc diện	Chưa cấp	2020
17	Mầm non TT Ngôi Sao	ấp Bình Hữu 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa	x		1,400	3,500	1	10	172		130	Thuộc diện	Chưa cấp	2011
	HUYỆN ĐỨC HUỆ													
1	Mầm non Sao Mai	Ấp 2, xã Mỹ Quý Tây, Đức Huệ		x	14,502	36,255	1	18	170	21	239	Thuộc diện	Chưa cấp	2000
	THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG													
1	MN Hướng Dương	24, Hoàng Quốc Việt, Khu phố 5, Phường 2, thị xã Kiến Tường		x	7,729	38,645.0	2	22	340	42	290	Thuộc diện	Chưa cấp	2018
2	MN Vành Khuyên	13A, khu phố 1, phường 3, thị xã kiến tường		x	3,040	15,200.0	2	18	274	16	222	Thuộc diện	Chưa cấp	1985
3	MG Hoa Sen	22 đường 30/4 khu phố 3 phường 1 thị xã Kiến Tường		x	4,422	22,110.0	2	20	285		305	Thuộc diện	Chưa cấp	2003

4	MG Bình Minh	Ấp Sổ Đô, xã Thạnh Hưng, thị xã Kiến Tường		x	4,167	10,417.5	1	14	241		155	Thuộc diện	Chưa cấp	2007
5	MG Hoa Mai	Ấp Bắc Chan 1 xã Tuyên Thạnh TXKT		x	4,339	21,695.0	2	14	210		126	Thuộc diện	Chưa cấp	2004
6	MG Sơn Ca	Ấp Cái Đôi Đông, Bình Tân, Thị xã Kiến Tường		x	2,424	6,060.0	1	12	186		75	Thuộc diện	Chưa cấp	2004
7	MG Hòa Bình	Ấp ông nhan tây, xã Bình hiệp, Kiến Tường		x	2,467	12,335.0	2	16	274		195	Thuộc diện	Chưa cấp	2012
8	MG Ánh Dương	Ấp 2, xã Thạnh Trị, Thị xã Kiến Tường		x	3,305	16,525.0	2	14	222		93	Thuộc diện	Chưa cấp	2011
	HUYỆN MỘC HÓA													
1	MG Bình Hòa Tây	Ấp Bình Tây 1, xã Bình Hòa Tây, huyện Mộc Hóa		x	6,425	32,125	2	20	150	4	122	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
2	MG Bình Hòa Trung	ấp Bình Nam, xã Bình hòa Trung, huyện Mộc Hóa		x	3,632	9,080	1	15	155	0	93	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
3	MG Bình Phong Thạnh	Ấp 3, Xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa		x	6,241	15,603	1	21	130	18	249	Thuộc diện	Chưa cấp	2009
4	MG Tân Lập	Ấp 3, xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa		x	3,244	8,110	1	18	312	1	140	Thuộc diện	Chưa cấp	2003
5	MN Tân Thành	ấp Cà Đá, xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa		x	2,543	6,358	1	8	0	10	79	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
6	MG Bình Hòa Đông	Ấp 1, xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa		x	3,028	7,570	1	15	316	0	102	Thuộc diện	Chưa cấp	2009
7	MG Bình Thạnh	Ấp Gò Dồ Nhỏ, xã Bình Thạnh, huyện Mộc Hóa		x	2,035	10,175	2	10	165	0	70	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
	THÀNH PHỐ TÂN AN													
1	MG Sao Mai	454, Ấp 4, xã Bình Tâm, TPTA		x	4,500	11,250	1	16	149		111	Thuộc diện	Chưa cấp	1983
2	MG Họa Mi + CS1	Cơ sở 1 số 602, QL1, phường 4		x	800	3,998	2	10	260	0	96	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
3	+ CS2	Cơ sở 2 số 108, Trần Văn Chính, phường 4		x	607	1,518	1	5	224	0	52	Thuộc diện		2008
4	Mẫu giáo Măng Non	M15, Trần Trung Tam, KP4, phường 3		x	1,490	7,452	2	11	267		157	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
5	MG Hướng Thọ Phú	Số 731, đường Đỗ Trình Thoại, ấp 3, xã Hướng Thọ Phú, TPTA		x	3,698	9,244	1	16	119		175	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
7	MG Sơn Ca+ CS1	Số 3, Lý Côn Uẩn, P1		x	704	7,040	4	15	85		207	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
8	+ CS2	Số 17, Cách mạng tháng 8, P1		x	804	4,019	2	11	242		128	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
9	Mầm non Huỳnh Thị Mai					-			0					
10	+ Cơ sở 1	Huỳnh Văn Gấm, P2		x	2,602	13,010	2	13	332		290	Thuộc diện	Chưa cấp	2009
11	+ Cơ sở 3	Hẻm 134, QL1, P2		x	529	2,645	2	4	238		30	Thuộc diện		
12	MG An Vĩnh Ngãi	777, Ấp Vĩnh Bình, xã An Vĩnh Ngãi		x	23,452	117,260	2	20	305		148	Thuộc diện	Chưa cấp	1983
13	MG Tân Khánh	150/3, Phạm Văn Ngô, KP Nhơn Hậu, Phường tân Khánh		x	2,719	20,393	3	10	155		145	Thuộc diện	Chưa cấp	2007
14	MN Phương Đông	40, Sương Nguyệt Anh, P4	x		2,200	16,500	3	25	126	40	315	Thuộc diện	Chưa cấp	2003
16	MN Quốc Tế Hoa Mặt Trời	250, Hùng Vương, P2	x		720	5,400	3	8	75	0	100	Thuộc diện	Chưa cấp	2017
17	MN Úc Châu	55 Nguyễn Văn Tạo	x		170	850	2	11	195	18	87	Thuộc diện	Chưa cấp	2017
18	MN Tuổi Thơ	382, QL1, P4	x		1,250	3,125	1	11	93	25	205	Thuộc diện	Chưa cấp	2012
19	MN Hoàng Anh	70, Huynh Văn Tạo, P3	x		542	4,065	3	6	0	20	130	Thuộc diện	Chưa cấp	2010
	HUYỆN TÂN HƯNG													
1	MN Thị Trấn Tân Hưng	TT.Tân Hưng		x	4,900	12,250	1	20	93	56	370	Thuộc diện	Chưa cấp	1999
2	MN Vĩnh Bửu	Ấp Võ Văn Be, Vĩnh Bửu		x	5,218	13,045	1	10	267	15	87	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
3	MN Vĩnh Đại	Ấp Vĩnh Ân, Vĩnh Đại		x	3,110	7,775	1	6	141	8	122	Thuộc diện	Chưa cấp	2013
4	MN Vĩnh Châu A	Ấp Vườn Chuối, Vĩnh Châu A		x	9,028	22,570	1	12	89	5	69	Thuộc diện	Chưa cấp	2013
5	MN Vĩnh Châu B	Ấp 2, Vĩnh Châu B		x	3,894	19,470	2	11	102	17	106	Thuộc diện	Chưa cấp	2013
6	MN Vĩnh Thạnh	Ấp Cái Trầm, Vĩnh Thạnh		x	2,203	5,508	1	11	70	17	107	Thuộc diện	Chưa cấp	2010
7	MN Vĩnh Lợi	Ấp Cả Sách, Vĩnh Lợi		x	1,538	3,845	1	6	0	6	89	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
8	MN Hưng Thạnh	Ấp Gò Gòn, Hưng Thạnh		x	1,832	4,580	1	11	111	5	85	Thuộc diện	Chưa cấp	2013
9	MN Thạnh Hưng	Ấp 1, Thạnh Hưng		x	1,605	4,013	1	5	142	11	67	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
10	MN Hưng Hà	Ấp Hà Long, Hưng Hà		x	5,244	13,110	1	11	0	17	133	Thuộc diện	Chưa cấp	2013
11	MN Hưng Điền B	Ấp Kinh Mới, Hưng Điền B		x	5,322	13,305	1	16	96	21	216	Thuộc diện	Chưa cấp	2005
12	MN Hưng Hưng Điền	Ấp Cây Me, Hưng Điền		x	4,396	10,990	1	12	52	20	178	Thuộc diện	Chưa cấp	2013

	HUYỆN TÂN THẠNH													
1	Mầm Non Nhơn Ninh	Ấp Tân Long xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh		x	7,145	17,863	1	11	157	0	277	Thuộc diện	Chưa cấp	2010
2	Mầm Non Nhơn Hòa	Ấp Hải Hưng, xã Nhơn Hòa, huyện Tân Thạnh		x	2,989	7,473	1	14	175	15	110	Thuộc diện	Chưa cấp	2013
3	Mầm Non Tân Thành	Ấp 2, xã Tân Thành, huyện Tân Thạnh		x	1,186	5,930	2	15	135	12	138	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
4	Mầm Non Tân Ninh	Ấp Bàng lăng , xã Tân Ninh, huyện Tân Thạnh		x	3,048	15,240	2	19	141	12	198	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
5	Mầm Non Kiến Bình	ấp 7m, xã Kiến Bình, Tân Thạnh		x	2,799	6,998	1	16	0	6	168	Thuộc diện	Chưa cấp	2010
6	Mầm Non Nhơn Hòa Lập	Ấp Nguyễn Tán, xã Nhơn Hòa Lập, Tân Thạnh		x	6,408	32,042	2	15	207	8	150	Thuộc diện	Chưa cấp	2013
7	Mầm non Tân Hòa	Ấp Kênh Văn Phòng, xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh		x	1,290	3,225	1	9	128		212	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
8	Mầm non Tân Bình	Ấp Hiệp Thành, xã Tân Bình, huyện Tân Thạnh		x	4,574	11,435	1	5	155	15	100	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
9	Mầm non Hương Sen	Khu phố 1, Thị trấn Tân Thạnh, huyện Tân Thạnh		x	7,800	19,500	1	21	0	27	293	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
10	Mẫu giáo Bắc Hòa	Ấp Hòa Hưng, xã Bắc Hòa, Tân Thạnh		x	4,929	12,323	1	17	290	0	146	Thuộc diện	Chưa cấp	2005
11	Mầm non Tân Lập	Ấp Kênh Nhà Thờ, xã Tân Lập, huyện Tân Thạnh		x	5,381	13,453	1	14	235	17	234	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
12	MG Hậu Thạnh Đông	Ấp Nguyễn Rớt, xã Hậu Thạnh Đông, huyện Tân Thạnh		x	3,348	16,740	2	16	30	0	240	Thuộc diện	Chưa cấp	2006
13	MN Hậu Thạnh Tây	Ấp Ngọc Ân, xã Hậu Thạnh Tây, huyện Tân Thạnh		x	3,778	9,445	1	12	158	12	146	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
	HUYỆN TÂN TRỤ													
1	Mầm non Mỹ Bình	Bình Tây, Tân Bình, huyện Tân Trụ		x	3,146	7,865	1	13	145	18	126	Thuộc diện	Chưa cấp	1991
2	Mẫu giáo Quê Mỹ Thạnh	Ấp 2, Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ		x	3,000	7,500	1	14	105	0	151	Thuộc diện	Chưa cấp	1989
3	Mẫu giáo Lạc Tấn	ấp 5 xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ		x	10,350	25,875	1	16	225	0	292	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
4	Mẫu giáo Bình Lãng	Ấp Bình Hòa, Bình Lãng, huyện Tân Trụ		x	5,388	26,941	2	20	355	0	160	Thuộc diện	Chưa cấp	
5	Mẫu giáo Bình Tịnh	ấp Bình Điện, xã Bình Tịnh, Tân Trụ		x	2,894	7,235	1	16	35	0	122	Thuộc diện	Chưa cấp	2007
6	Mầm non Thị trấn Tân Trụ	khu phố Tân Bình, thị trấn Tân Trục, huyện Tân Trụ		x	6,221	31,105	2	22	100	12	282	Thuộc diện	Chưa cấp	1992
7	Mẫu giáo Đức Tân	Ấp Bình Lợi, xã Đức Tân , huyện Tân Trụ		x	3,791	9,478	1	15	35	0	139	Thuộc diện	Chưa cấp	1989
8	Mầm non Nhựt Ninh	Ấp Nhựt Hòa, xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ		x	7,360	18,401	1	16	105	11	132	Thuộc diện	Chưa cấp	1991
9	Mầm non Tân Phước Tây	Ấp 1, Tân Phước Tây, Tân Trụ		x	10,434	26,085	1	25	230	16	246	Thuộc diện	Chưa cấp	1991
10	Mẫu giáo Bình Trinh Đông	Ấp Bình Hoà, xã Bình Trinh Đông, huyện Tân Trụ		x	2,538	6,345	1	12	150	0	153	Thuộc diện	Chưa cấp	1991
11	Mẫu giáo An Nhựt Tân	Ấp 4 xã, Tân Bình, huyện Tân Trụ		x	2,685	6,713	1	14	0	0	185	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
	HUYỆN THẠNH HÓA													
1	Trường MG Thuận Nghĩa Hòa + CS1	Ấp Vườn Xoài Thuận Nghĩa Hòa		x	3,370	8,425	1	7	102	0	49	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
2	+ CS2	Ấp Trà Cú, Thuận Nghĩa Hòa		x	1,247	3,118	1	2	130	0	47	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
3	+ CS3	Ấp Vàm Lớn, Thuận Nghĩa Hòa		x	1,356	3,390	1	2	74	0	75	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
4	Trường MG Thủy Tây + CS1	Ấp 1 Thủy Tây(Điểmchính)		x	3,777	9,443	1	4	123	0	87	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
5	+ CS2	Ấp 1 Thủy Tây(Điểmphụ)		x	5,130	12,825	1	2	124	0	47	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
6	Trường MG Tân Hiệp + CS1	Ấp 2, Tân Hiệp		x	3,846	9,615	1	17	95	0	102	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
7	+ CS2	Ấp 4, Tân Hiệp		x	1,548	3,870	1	4	90	0	44	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
8	Trường MG Thủy Đông+ CS1	Ấp Nước trong		x	2,223	5,558	1	11	78	0	126	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
9	+ CS2	Ấp Đông Hòa		x	1,247	3,118	1	2	150	0	43	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
10	Trường MG Thuận Bình + CS1	ấp Đồn A, xã Thuận Bình		x	7,522	37,610	2	17	237	0	46	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
11	+ CS2	ấp T3, xã Thuận Bình		x	1,380	3,450	1	2	198	0	21	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
12	+ CS3	ấp Gãy, xã Thuận Bình		x	1,342	3,355	1	2	0	0	29	Thuộc diện	Chưa cấp	2016

13	+ CS4	ấp 61, xã Thuận Bình		x	2,454	6,135	1	2	277	0	28	Thuộc diện	Chưa cấp	2010
14	Trường MG Thạnh Phú + CS1	ÁpThạnh Lập		x	3,063	7,658	1	11	125	0	57	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
15	+ CS3	Ấp Ông Hiếu		x	1,755	4,388	1	3	150	0	63	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
16	Trường MN thị trấn	KP 3 thị trấn, Thạnh Hóa		x	15,000	37,500	1	30	210	46	362	Thuộc diện	Chưa cấp	2002
17	Trường MG Tân Đông + CS1	ấp 1, Tân Đông, Thạnh hóa, Long An		x	3,239	8,098	1	5	174	0	76	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
18	+ CS2	ấp 2, Tân Đông, Thạnh hóa, Long An		x	2,000	5,000	1	8	158	0	79	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
19	Trường MG Tân Tây + CS1	Ấp 1, Tân Tây		x	3,607	18,035	2	14	212	0	90	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
20	+ CS2	Ấp 5, Tân Tây		x	1,200	3,000	1	4	115	0	20	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
21	Trường MG Thạnh Phước + CS1	Ấp Cả Sâu, xã Thạnh Phước		x	2,715	6,788	1	12	320	0	140	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
	HUYỆN THỦ THỪA													
1	MN Thị Trấn	Khu 3-Thị Trấn Thủ Thừa-Huyện Thủ Thừa		x	11,389	56,945	2	20	251	25	386	Thuộc diện	Chưa cấp	2003
2	MN Nhị Thành	Ấp 5 Nhị Thành - Thủ Thừa		x	9,462	47,310	2	13	240	16	388	Thuộc diện	Chưa cấp	2018
3	MG Bình Thạnh	Ấp Bình Lương I - Bình Thạnh - Thủ Thừa		x	5,983	29,915	2	14	158	0	205	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
4	MG Bình An	Ấp Vàm Kinh - Bình An - Thủ Thừa		x	4,941	12,353	1	7	0	0	171	Thuộc diện	Chưa cấp	1986
5	MG Mỹ Phú	Ấp 3 - Mỹ Phú - Thủ Thừa		x	3,684	18,420	2	14	144	0	202	Thuộc diện	Chưa cấp	1980
6	MG Mỹ An	Ấp 3 - Mỹ An - Thủ Thừa		x	3,066	7,665	1	12	151	0	189	Thuộc diện	Chưa cấp	1986
7	MG Mỹ Thạnh	Ấp 4 - Mỹ Thạnh - Thủ Thừa		x	2,814	7,035	1	8	292	0	214	Thuộc diện	Chưa cấp	2002
8	MG Mỹ Lạc	Ấp Bà Nghiệm - Mỹ Lạc - Thủ Thừa		x	6,043	15,108	1	17	160	0	265	Thuộc diện	Chưa cấp	2002
9	MG Long Thạnh	Ấp 2 - Long Thạnh - Thủ Thừa		x	5,663	14,158	1	6	122	0	157	Thuộc diện	Chưa cấp	2005
10	MG Long Thuận	Ấp 2 - Long Thuận - Thủ Thừa		x	6,348	31,740	2	13	294	0	120	Thuộc diện	Chưa cấp	2023
11	MG Tân Thành	Ấp 4 - Tân Thành - Thủ Thừa		x	3,778	9,445	1	7	139	0	131	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
	HUYỆN VĨNH HƯNG													
1	MN Thị trấn	Đường Tháp Mười, KP2, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng		x	5,114	25,570	2	16	262	47	397	Thuộc diện	Chưa cấp	2003
2	MN Vĩnh Thuận	Ấp Cả Nga,xã Vĩnh Thuận Huyện Vĩnh Hưng		x	3,087	7,718	1	15	153	14	103	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
3	MN Vĩnh Trị	Ấp Gò Cát- xã Vĩnh Trị- Vĩnh Hưng		x	5,765	14,413	1	16	185	25	123	Thuộc diện	Chưa cấp	2012
4	MN Vĩnh Bình	Ấp 1 và ấp 2 xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng		x	4,654	11,635	1	16	0	27	130	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
5	MN Tuyên Bình	Ấp Rạch Mây xã Tuyên Bình huyện Vĩnh Hưng		x	3,044	15,220	2	16	0	20	147	Thuộc diện	Chưa cấp	2020
6	MN Thái Trị	Ấp Thái Quang, xã Thái Trị, huyện Vĩnh Hưng		x	4,000	10,000	1	16	49	20	140	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
7	MN Thái Bình Trung	ấp Trung Trực xã Thái Bình Trung, huyện Vĩnh Hưng		x	3,145	7,863	1	14	47	28	147	Thuộc diện	Chưa cấp	2023
8	MN Tuyên Bình Tây	Ấp Cả Rưng xã Tuyên Bình Tây - Vĩnh Hưng		x	3,491	8,728	1	11	75	8	118	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
10	MN Hưng Điền A + CS1	Ấp 1-xã Hưng Điền A-Vĩnh Hưng		x	2,723	13,615	2	14	0	12	81	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
11	+ CS2	Ấp Tà Nu-xã Hưng Điền A-Vĩnh Hưng		x	2,465	6,163	1	11	87	12	114	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
12	MN Khánh Hưng	Ấp Gò Châu Mai- xã Khánh Hưng-Vĩnh Hưng		x	5,700	14,250	1	18	47	23	173	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
	HUYỆN CẦN GIUỘC													
1	Mẫu giáo Phước Lý+ CS2	xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc		x	1547	3,867.5	1	5	102	0	61	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
2	Mẫu giáo Long Thượng + CS1	xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc		x	1598	7,990.0	2	9	44		107	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
3	+ CS2	xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc		x	1485	3,712.5	1	7	0		83	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
4	Mẫu giáo Phước Hậu + CS1	xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc		x	4351	21,755.0	2	15	126		255	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
5	+ CS2	xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc		x	874	4,370.0	2	5	43		65	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
6	Mẫu giáo Rạng Đông + CS1	xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc		x	2459	6,147.5	1	12	0		157	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
7	+ CS2	xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc		x	667	3,335.0	2	4	46		101	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
8	+ CS3	xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc		x	1761	4,402.5	1	8	21		95	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
9	Mẫu giáo Phước Lâm + CS1	xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc		x	761	3,805.0	2	5	29		164	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
10	Mầm non Thị trấn Cần Giuộc + CS1	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	1457	7,285.0	2	11	28	22	161	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
11	+ CS2	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	1397	6,985.0	2	8	0	0	172	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
12	Mẫu giáo Tân Kim	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	5300	26,500.0	2	16	57	0	181	Thuộc diện	Chưa cấp	2017

13	Mẫu giáo Trường Bình + CS1	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	2418	12,090.0	2	16	33	0	284	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
14	+ CS2	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	1770	8,850.0	2	6	63	0	102	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
15	Mẫu giáo Thuận Thành + CS1	xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc		x	5311	13,277.5	1	4	0	0	116	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
16	Mẫu giáo Long An	xã Long An, huyện Cần Giuộc		x	2973	14,865.0	2	11	75		213	Thuộc diện	Chưa cấp	2013
17	Mẫu giáo Hướng Dương + CS3	xã Long Phụng, huyện Cần Giuộc		x	1256	3,140.0	1	4	30	0	91	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
18	Mẫu giáo Phước Lại + CS1	xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc		x	1594	3,985.0	1	6	408	0	168	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
19	+ CS2	xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc		x	749	1,872.5	1	3	0	0	106	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
20	Mẫu giáo Long Hậu	xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc		x	6034	30,170.0	2	12	76	0	235	Thuộc diện	Chưa cấp	2014
21	MN Hoa Hồng	xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc	x		1828	9,140.0	2		79	14	187	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
22	Mẫu giáo Đông Thạnh + CS1	xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc		x	3009	15,045.0	2	5	20	0	160	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
23	+ CS2	xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc		x	1256	3,140.0	1	4	32	0	138	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
24	Mẫu giáo Phước Vĩnh Tây + CS1	xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc		x	1720	8,600.0	2	5	0	0	165	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
25	Mẫu giáo Tân Tập + CS1	xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc		x	2500	12,500.0	2	15	90		230	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
26	+ CS3	xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc		x	1358	3,395.0	1	3	20		52	Thuộc diện	Chưa cấp	2016
27	Mẫu giáo Phước Vĩnh Đông+ CS1	xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc		x	4998	12,495.0	1	12	0	0	170	Thuộc diện	Chưa cấp	2008
28	+ CS2	xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc		x	1340	3,350.0	1	3	140	0	35	Thuộc diện	Chưa cấp	2008

TIỂU HỌC 254 CƠ SỞ

	Tên cơ sở	Địa chỉ	Vốn đầu tư		Quy mô					Thẩm duyệt PCCC	Nghiệm thu PCCC	Năm đưa vào hoạt động	Ghi chú	
			Tư nhân	Nhà nước	Diện tích	Khối tích	Số tầng	Số phòng	Số HS/SV					
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
	HUYỆN BẾN LỨC													
1	TH An Thạnh	Ấp 1A, xã An Thạnh, Bến Lức, Long An		x	7,397	55,475	3	24	912	Thuộc diện	Chưa cấp	2022	Đã được cấp 09 phòng chức năng	
2	TH Lương Hòa	ấp 8, xã Lương Hòa, Bến Lức, Long An		x	14,135	70,675	2	58	1012	Thuộc diện	Chưa cấp	1998		
3	TH Tân Hòa	Ấp 1A, xã Tân Hòa, Bến Lức, Long An		x	3,673	27,548	3	20	104	Thuộc diện	Chưa cấp	1993		
4	TH Lương Bình	Ấp 4 xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An		x	11,138	55,690	2	39	950	Thuộc diện	Chưa cấp			
5	TH Thạnh Hòa	Ấp 2, xã Thạnh Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An		x	21,719	108,595	2	48	485	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
6	TH Phước Lợi	Ấp 4 xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An		x	1,492	7,460	2	34	1074	Thuộc diện	Chưa cấp	1991		
7	TH Long Phước	Ấp Long Bình, xã Long Hiệp, Bến Lức, Long An		x	4,470	22,350	2	20	452	Thuộc diện	Chưa cấp	1998		
8	TH Thạnh Đức	Ấp 2, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An		x	11,416	57,082	2	26	475	Thuộc diện	Chưa cấp	1994		
9	TH Ng-Tr-Trực	Ấp 5, xã Thạnh Đức, Bến Lức, Long An		x	8,139	20,348	1	22	604	Thuộc diện	Chưa cấp	1994		
10	TH Bình Chánh	Ấp 5, xã Nhựt Chánh, Bến Lức, Long An		x	9,214	46,070	2	27	553	Thuộc diện	Chưa cấp	2013	Đang thi công	
11	TH Bình Nhựt	Ấp 1, xã Nhựt Chánh, Bến Lức, Long An		x	6,757	33,785	2	26	584	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		
	HUYỆN CẦN ĐƯỚC													
1	Thị trấn Cần Đước	Khu 5 Thị trấn Cần Đước		x	3,886	19,430	2	38	582	Thuộc diện	Chưa cấp			
2	TH Tân Trạch	Ấp 3 xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An		x	9,068	45,340	2	26	597	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
3	Tiểu học Phước Vân	Ấp 3, xã Phước Vân		x	8,626	64,695	3	44	796	Thuộc diện	Chưa cấp	2022		
4	TH Long Trạch 1	Ấp Long Thanh, xã Long Trạch,		x	5,890	44,175	3	43	1030	Thuộc diện	Chưa cấp			
5	TH Long Định	Ấp 1, xã Long Định		x	6,019	15,048	1	27	809	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
6	TH Nguyễn Văn Tiến	Ấp Chợ Trạm, Mỹ lệ		x	5,275	26,375	2	26	375	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
7	Tiểu học Phước Tuy	Ấp 5, xã Phước Tuy		x	5,927	29,635	2	27	443	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
8	Tiểu học Tân Chánh	Ấp Đông Trung, xã Tân Chánh		x	9,102	68,265	3	37	811	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
9	Tiểu học Long Cang	ấp 1, xã Long Cang		x	8,212	41,060	2	38	818	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
10	TH Phước Đông	Xã Phước Đông		x	6,132	30,658	2	45	865	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
11	Tiểu học Tân Ân	Ấp 3, xã Tân Ân		x	9,978	49,890	2	29	414	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		

12	Tiểu học Long Sơn	ấp 1A xã Long Sơn		x	7,888	39,440	2	24	431	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
13	TH Long Hựu Tây	ấp Hựu lộc, xã Long Hựu Tây		x	9,361	70,208	3	39	576	Thuộc diện	Chưa cấp	2022		
14	TH Hồ Văn Huê	Khu 4 TT Cần Đước		x	5,586	27,930	2	32	756	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		
15	TH tư thục IQ Cần Đước	Ấp Long Thanh xã Long Trạch	x		2,400	12,000	2	5	81	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
	HUYỆN CHÂU THÀNH													
1	Tiểu học Đặng Thành Công	Ấp 2, xã Hòa Phú, Châu Thành		x	5,502	41,265	3	24	377	Thuộc diện	Chưa cấp	1983		
2	Tiểu học Nguyễn Văn Thăng	Ấp Kỳ Châu, Bình Quới, Châu Thành		x	6,863	34,317	2	34	560	Thuộc diện	Chưa cấp	1983		
3	Tiểu học Hiệp Thạnh	Ấp 8, xã Hiệp Thạnh, Châu Thành		x	5,706	28,530	2	10	304	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
4	Tiểu học Dương Xuân Hội	Ấp Vĩnh Xuân A, xã Dương Xuân Hội,Châu Thành		x	7,957	39,786	2	27	493	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
5	Tiểu học Long Trì	ấp Long ThànH, xã Long Trì, huyện Châu Thành		x	7,298	36,489	2	34	484	Thuộc diện	Chưa cấp	1995		
6	Tiểu học Lê Văn Khuê	Ấp 8, xã Phước Tân Hưng, Châu Thàn		x	4,892	24,461	2	22	399	Thuộc diện	Chưa cấp	1986		
7	Tiểu học Trần Văn Ngạn	Ấp Phú Xuân 1, xã Phú Ngãi Trị, Châu Thành		x	6,668	33,340	2	23	389	Thuộc diện	Chưa cấp	1995		
8	Tiểu học Vĩnh Công	Ấp 8, xã Vĩnh Công, Châu Thành		x	3,386	16,930	2	23	442	Thuộc diện	Chưa cấp	1960		
9	Tiểu học TT Tầm Vu	Khu phố 1, Thị trấn Tầm Vu, Châu Thành		x	10,072	50,360	2	63	1238	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
10	Tiểu học An Lục Long	Ấp Lộ Đá, An Lục Long, Châu Thành		x	12,463	62,315	2	42	674	Thuộc diện	Chưa cấp	1987		
11	Tiểu học Thanh Phú Long	ấp Thanh Tân, xã Thah Phú Long, Châu Thành		x	2,596	19,470	3	54	961	Thuộc diện	Chưa cấp	1987		
12	Tiểu học Thuận Mỹ	Ấp Bình Trị 1, xã Thuận Mỹ, Châu Thành		x	12,839	64,195	2	70	1074	Thuộc diện	Chưa cấp	1985		
13	Tiểu học Việt Lâm	Ấp Xuân Hòa 1, Thanh Vĩnh Đông, Châu Thành		x	9,879	49,395	2	41	496	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
	HUYỆN ĐỨC HÒA													
1	TH An Ninh Đông	Ấp An Hiệp, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa		x	10169	25,422.5	1	44	843	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
2	TH An Ninh Tây	Ấp An Thạnh, xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa		x	9420	47,100.0	2	39	718	Thuộc diện	Chưa cấp	1969		
3	TH Hiệp Hòa	Khu vực 4, TT Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa		x	3026	7,565.0	1	10	686	Thuộc diện	Chưa cấp	2021		
4	TH Bình Hữu	Khu phố 5, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa		x	7440	37,200.0	2	48	950	Thuộc diện	Chưa cấp	2023		
5	TH Hòa Khánh Tây	Ấp Tân Bình, xã Hòa Khánh Tây, huyện Đức Hòa		x	5318	13,295.0	1	27	383	Thuộc diện	Chưa cấp	2021		
6	TH Đức Lập Thượng B	Ấp Tân Hội, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hoà		x	15744	78,720.0	2	30	504	Thuộc diện	Chưa cấp	1994		
7	TH Nguyễn Văn Quá	Ấp Trảm Lạc xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa		x	5612	14,030.0	1	24	1899	Thuộc diện	Chưa cấp	2017		
8	TH Nguyễn Văn Đẹp	ấp Chánh, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa		x	9906	49,530.0	2	46	1018	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
9	TH Hựu Thạnh	Ấp 2 xã Hựu Thạnh huyện Đức Hoà		x	2600	13,000.0	2	28	860	Thuộc diện	Chưa cấp	2023		
10	TH Lê Minh Xuân	Ấp Chánh Hội, xã Tân Mỹ, Đức Hòa		x	7148	35,740.0	2	43	834	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
11	TH Võ Văn Ngân	Khu phố 4, TT Đức Hoà, huyện Đức Hoà		x	11548	57,740.0	2	58	1627	Thuộc diện	Chưa cấp	2021		
12	TH Hòa Khánh Đông	Ấp Thôi Môi-xã Hoà Khánh Đông-huyện Đức Hoà		x	14515	36,287.5	1	49	983	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
13	TH Đức Lập Thượng A	ấp chánh, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa		x	4132	10,330.0	1	17	849	Thuộc diện	Chưa cấp	1994		
14	TH Thi Văn Tám	Ấp Thuận Hòa 2, xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa		x	9501	71,257.5	3	44	1168	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG													
1	TH Huỳnh Việt Thanh	331, Lý Thường Kiệt KP 1, P1		x	4,394	21,970.0	2	25	465	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		
2	TH Nguyễn Tấn Kiều	23 Đường 30/4 - KP3-P.1 TXKT		x	6,173	30,865.0	2	27	666	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		

3	TH Ngô Quyền	26 Hoàng Quốc Việt -KP5-P2 TXKT		x	5,698	28,490.0	2	24	378	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		
4	TH Nguyễn Thái Bình	KP1, P3, TX KIẾN TƯỜNG		x	3,220	24,150.0	3	22	397	Thuộc diện	Chưa cấp	2015		
5	TH Thạnh Hưng	Ấp Cả Gừa, Thạnh Hưng		x	20,014	100,070.0	2	25	441	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
6	TH Tuyên Thạnh	Ấp Bắc Chan 1 xã Tuyên Thạnh, TX Kiến Tường.		x	16,084	80,420.0	2	24	456	Thuộc diện	Chưa cấp	1998		
7	TH Đặng Thị Mành	Ấp Ông Nhan Tây , xã Bình Hiệp , TX Kiến Tường		x	17,597	87,985.0	2	28	486	Thuộc diện	Chưa cấp	1996		
8	TH Thạnh Trị	Xã Thạnh Trị, thị xã Kiến Tường		x	7,308	36,540.0	2	22	264	Thuộc diện	Chưa cấp	2015		
	HUYỆN MỘC HÓA													
1	Tiểu học Bình Hòa Tây	Ấp Bình Tây 1, xã Bình Hòa Tây, huyện Mộc Hóa		x	15,657	78,285	2	36	405	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
2	Tiểu học Bình Hòa Trung	ấp Bình Nam, xã Bình Hòa Trung, huyện Mộc Hóa		x	8,513	42,565	2	19	196	Thuộc diện	Chưa cấp	1998		
3	Tiểu học Nguyễn Văn Dinh	Khu phố 1 và 2, thị trấn Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa		x	21,496	107,480	2	49	598	Thuộc diện	Chưa cấp	1996		
4	Tiểu học Tân Lập	Ấp 3, xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa		x	9,911	49,553	2	38	519	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
5	Tiểu học Tân Thành	Ấp Cả Đá, xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa		x	3,100	15,500	2	27	140	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
	THÀNH PHỐ TÂN AN													
1	Tiểu học Bình Tâm	Số 335, Ấp 1, xã Bình Tâm		x	5,640	28,200	2	31	469	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
2	TH Nhơn Thạnh Trung	Số 10 Bùi Tấn, ấp Nhơn Thuận, xã Nhơn Thạnh Trung		x	12,655	63,277	2	30	469	Thuộc diện	Chưa cấp			
3	+ Điểm Ngãi Lợi	Số 455, đường Võ Duy Tạo, Ấp Ngãi Lợi A, xã Lợi Bình Nhơn , TPTA		x	*6,311*	*31,553*	*2*	*30*	*0*	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
4	Tiểu học Lý Tự Trọng	Số 37, đường Võ Văn Môn, Phường 4, Tân An, Long An		x	5,760	43,200	3	40	1142	Thuộc diện	Chưa cấp	1987		
5	TH Nguyễn Trung Trực	159, Châu Thị Kim, phường 3		x	7,636	57,270	3	48	1236	Thuộc diện	Chưa cấp	1988		
6	Tiểu học Châu Thị Kim	Số 79, Đỗ Văn Giàu, khu phố An Thuận 2, phường 7, Tp.Tân An		x	12,091	30,228	1	16	333	Thuộc diện	Chưa cấp	2017		
7	TH Cần Đốt	440, Lê Văn Kiệt,P6		x	9,997	49,986	2	42		Thuộc diện	Chưa cấp	1988		
8	TH Phú Nhơn	57, Nguyễn Văn Tiếp, khu phố Phú Nhơn, P.5		x	10,000	75,000	3	31	589	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
9	Tiểu học Tân An	44, Sương Nguyệt Anh, F2, TPTA, Long An		x	8,902	66,765	3	46	1932	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
10	Tiểu học Võ Thị Sáu Cơ sở 2	39 Võ Công Tồn		x	*1,040*	*10,397*	*4*	*15*	*296*	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
11	Tiểu học An Vĩnh Ngãi	778, ấp Vĩnh Bình, xã AVN, TPTA		x	10,042	50,210	2	24	500	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
12	TH Hướng Thọ Phú	732, Đỗ Trình Thoại, ấp 3, Hướng Thọ Phú		x	16,288	122,160	3	34	753	Thuộc diện	Chưa cấp	1988		
	HUYỆN TÂN HƯNG													
1	TH Thị Trấn Tân Hưng	TT.Tân Hưng, Tân Hưng		x	16,370	81,850	2	39	946	Thuộc diện	Chưa cấp	1999		
2	TH Vĩnh Đại	Ấp Vĩnh Ân, Vĩnh Đại		x	20,878	104,390	2	12	372	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
3	TH Vĩnh Châu B	Ấp 4, Vĩnh Châu B		x	4,583	22,915	2	11	240	Thuộc diện	Chưa cấp	2015		
4	TH Vĩnh Thạnh	Ấp Cái Trầm, Vĩnh Thạnh		x	9,219	46,095	2	20	338	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
5	TH Vĩnh Lợi	Ấp Cả Sách, Vĩnh Lợi		x	22,549	112,745	2	10	223	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
6	TH Thạnh Hưng	Ấp 1, Thạnh Hưng		x	14,546	72,730	2	10	224	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
7	TH Hưng Hà	Ấp Hà Long, Hưng Hà		x	7,390	36,950	2	18	320	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
8	TH Hưng Điền B	Ấp Kinh Mới, Hưng Điền B		x	15,961	79,805	2	22	604	Thuộc diện	Chưa cấp	1998		
9	TH Hưng Điền	Ấp Cây Me, Hưng Điền		x	21,681	108,405	2	20	428	Thuộc diện	Chưa cấp	1994		
	HUYỆN TÂN THẠNH													
1	Tiểu học Kiến Bình	Ấp Đá Biên, xã Kiến Bình, huyện Tân Thạnh		x	15,838	79,190	2	40	520	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
2	Tiểu học Bắc Hoà	Ấp Nhơn Hòa xã Bắc Hòa, huyện Tân Thạnh		x	19,927	99,635	2	17	423	Thuộc diện	Chưa cấp	2005		

3	Tiểu học Nhơn Ninh A	Ấp Tân Chánh B, xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thanh		x	13,936	69,680	2	38	466	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
4	Tiểu học Nhơn Ninh B	ấp Phụng Thớt, xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thanh		x	20,347	101,735	2	16	288	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
5	Tiểu học Nhơn Hòa	Ấp Kênh Chà, xã Nhơn Hòa, huyện Tân Thanh		x	12,212	61,060	2	24	216	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
6	Tiểu học Tân Hòa A	Ấp Văn Phòng, xã Tân Hoà, Tân Thạnh		x	14,174	70,870	2	30	378	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
7	Tiểu học Tân Thành	Ấp 5, xã Tân Thành, Tân Thạnh		x	17,038	127,785	3	33	461	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
8	Tiểu học Tân Ninh	Ấp Bằng Lăng, xã Tân Ninh, Tân Thạnh		x	14,559	109,193	3	40	540	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
9	Tiểu học Tân Lập	Ấp Kênh Nhà Thờ, xã Tân Lập, huyện Tân Thanh		x	36,457	182,285	2	40	689	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
10	Tiểu học Hậu Thạnh Đông	Ấp Nguyễn Rớt, xã Hậu Thạnh Đông, huyện Tân Thanh		x	7,217	54,128	3	27	634	Thuộc diện	Chưa cấp	1994		
11	Tiểu học Thị trấn Tân Thạnh	Khu phố 4, Thị trấn Tân Thanh, Tân Thanh		x	13,623	68,115	2	26	675	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
12	Tiểu học Hậu Thạnh Tây	Ấp Ngọc Ân-xã Hậu Thạnh Tây-Tân ThanH		x	16,420	82,100	2	33	471	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	HUYỆN TÂN TRỤ													
1	Tiểu học Mỹ Bình	Ấp Bình Tây-xã Tân Bình, huyện Tân Trụ		x	6,049	30,246	2	22	257	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
2	Tiểu học Quê Mỹ Thạnh	Ấp 3, xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ		x	4,782	23,910	2	28	386	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
3	Tiểu học Lạc Tấn	Ấp 5, xã Lạc Tấn,. Tân Trụ, huyện Tân Trụ		x	7,016	35,082	2	29	662	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
4	Tiểu học Nguyễn Văn Thuần	Ấp Bình Điện, xã Bình Tịnh, huyện Tân Trụ		x	4,627	23,135	2	26	254	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
5	Tiểu học Huỳnh Văn Đảnh	Khu phố Tân Bình, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ		x	16,178	121,337	3	50	783	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
6	Tiểu học Võ Văn Mùi	Ấp Bình Lợi, xã Đức Tân, huyện Tân Trụ		x	7,165	35,825	2	21	392	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
7	Tiểu học Nhựt Ninh	Ấp Nhựt Hoà xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ		x	1,822	9,110	2	24	437	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
8	Tiểu học Tân Phước Tây	Ấp 1, xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ		x	8,287	41,435	2	42	606	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
9	Tiểu học Bình Trinh Đông	Ấp Bình Đông, Bình Trinh Đông, huyện Tân Trụ		x	6,160	46,200	3	28	336	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
10	Tiểu học Nhựt Tảo	Ấp 1, xã Tân Bình, huyện Tân Trụ		x	12,200	60,999	2	45	565	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
1	**HUYỆN THẠNH HÓA**													
1	Trường TH Thuận Nghĩa Hòa + CS1	Ấp Bà Luông- Xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa		x	5238	13,095.0	1	13	92	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
2	+ CS3	Ấp Trà Cú Thuận Nghĩa Hòa Điểm Trà cú, huyện Thạnh Hóa		x	2065	5,162.5	1	5	24	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
3	+ CS4	Ấp vàm Lớn Thuận Nghĩa Hòa Điểm Vàm Lớn, huyện Thạnh Hóa		x	4275	10,687.5	1	5	180	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
4	Trường TH Tân Đông + CS1	Ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa		x	6761	33,805.0	2	23	252	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
5	+ CS2	Ấp 2, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa		x	5214	13,035.0	1	6	82	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
6	+ CS3	Ấp 3, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa		x	7083	17,707.5	1	4	26	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
7	+ CS4	Ấp 4, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa		x	3957	9,892.5	1	5	80	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
8	Trường TH Thị trấn Thạnh Hoá + CS1	Khu phố II, Thị trấn Thạnh Hoá, huyện Thạnh Hoá		x	6796	33,980.0	2	34	804	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
9	Trường Tiểu học Tân Hiệp + CS1	Ấp 2 - xã Tân Hiệp, huyện Thạnh Hóa		x	6641	16,602.5	1	25	156	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
10	+ CS2	Ấp 2- xã Tân Hiệp, huyện Thạnh Hóa		x	4080	10,200.0	1	6	38	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
11	+ CS4	Ấp 1 - xã Tân Hiệp, huyện Thạnh Hóa		x	8405	21,012.5	1	6	35	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
12	+ CS5	Ấp 1 - xã Tân Hiệp, huyện Thạnh Hóa		x	8748	21,870.0	1	8	55	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
13	TH Tân Tây + CS1	Ấp 1, xã Tân Tây, huyện Thạnh Hóa		x	7398	18,495.0	1	22	230	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		

14	+ CS2	Ấp 3, xã Tân Tây, huyện Thạnh Hóa		x	5297	13,242.5	1	8	63	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
15	Trường TH Thuận Bình + CS1	Ấp Đồn A- Thuận Bình, huyện Thạnh Hóa		x	3765	9,412.5	1	7	98	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
16	+ CS2	Ấp Đồn A_ Thuận Bình, huyện Thạnh Hóa		x	12323	30,807.5	1	10	0	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
17	+ CS3	Ấp 61_ Thuận Bình, huyện Thạnh Hóa		x	3696	9,240.0	1	6	59	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
18	+ CS4	Ấp Gãy_ Thuận Bình, huyện Thạnh Hóa		x	2100	5,250.0	1	5	56	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
19	TH Thủy Tây + CS1	Ấp 2, xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa		x	4667	11,667.5	1	22	179	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
20	Trường Tiểu học Thủy Đông + CS1	Điểm trường Đông Hòa. Ấp Đông Hòa xã Thủy Đông, Thạnh Hóa		x	3848	9,620.0	1	5	91	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
21	+ CS2	Điểm trường Bến Kè. Ấp Bến Kè xã Thủy Đông, Thạnh Hóa		x	4609	11,522.5	1	17	109	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
22	+ CS3	Điểm trường Nước Trong. Ấp Nước Trong xã Thủy Đông, Thạnh Hóa		x	4074	10,185.0	1	10	234	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
23	Trường TH Thạnh Phước + CS1	Ấp Cả Sáu- Xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa		x	4653	11,632.5	1	15	223	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
24	+ CS2	Ấp Đình- Xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa		x	7905	19,762.5	1	15	175	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
25	+ CS3	Ấp Đá Biên- Xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa		x	2660	6,650.0	1	8	78	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
	HUYỆN THỦ THỪA													
1	TH Thị Trấn	Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An		x	13,597	101,975	3	53	1137	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
2	TH Nhà Dài	Ấp Nhà Dài, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An		x	8,857	44,285	2	29	391	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
3	TH Nhị Thành	Ấp 1, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An		x	14,422	108,165	3	58	997	Thuộc diện	Chưa cấp	2009		
4	TH Bình Thạnh	Ấp Bình Lương 1, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An		x	13,752	68,760	2	52	645	Thuộc diện	Chưa cấp	2023		
5	TH Bình An	Ấp Vàm Kinh, xã Bình An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An		x	6,330	31,650	2	27	395	Thuộc diện	Chưa cấp	2022		
6	TH Mỹ Phú	Ấp 3, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh		x	11,383	56,915	2	32	571	Thuộc diện	Chưa cấp	2011		
7	TH Mỹ An	Ấp 3, xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An		x	21,225	106,125	2	45	660	Thuộc diện	Chưa cấp	2004		
8	TH Long Thạnh	Ấp 2, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An		x	9,468	47,340	2	24	402	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
9	TH Long Thuận	Ấp 2, Xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An		x	14,683	36,708	1	14	324	Thuộc diện	Chưa cấp	2023		
	HUYỆN VĨNH HƯNG													
1	TH Thị trấn Vĩnh Hưng	Đường Nguyễn Thái Bình, Khu phố Măng Đa, TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng		x	20721	310,815.0	6	50	1023	Thuộc diện	Chưa cấp	2020		
2	TH Thái Bình Trung + CS1	*Ấp Trung Trực*		x	*6978*	*34,890.0*	*2*	*14*	*218*	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
3	+ CS2	*Ấp Trung Môn*		x	*3770*	*18,850.0*	*2*	*14*	*75*	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	HUYỆN CẦN GIUỘC													
1	Tiểu học Phước Lý + CS1	ấp Phú An, xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc		x	8536.5	42682.5	2	40	769	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
2	+ CS2	ấp Vĩnh Phước, xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc		x	2556.2	12781	2	13	325	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
3	Tiểu học Long Thượng+ CS1	xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc		x	5180	12950	1	24	799	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
4	Tiểu học Mỹ Lộc+ CS1	xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc		x	2789	13945	2	28	355	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
5	+ CS2	xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc		x	3182	15910	2	23	379	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
6						0								
7	Tiểu học Lộc Tiền+ CS1	xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc		x	2067	10335	2	18	273	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
8	+ CS2	xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc		x	4500	22500	2	20	435	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		

9	Tiểu học Phước Lâm + CS1	xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc		x	4549	34117.5	3	25	334	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
10	+ CS2	xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc		x	4668	35010	3	32	386	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
11	Tiểu học Tân Kim+ CS1	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	9075	45375	2	32	1053	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
12	+ CS2	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	2262	11310	2	15	399	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
13	Tiểu học Nguyễn Thái Bình + CS1	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	2733	27330	4	34	508	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
14	+ CS2	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	2362	11810	2	22	603	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
15	Tiểu học Thị trấn Cần Giuộc+ CS1	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	3132	23490	3	32	691	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
16	+ CS2	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	3345	16725	2	17	355	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
17	Tiểu học Thuận Thành + CS1	ấp Thuận Đông- xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc		x	7377	36885	2	28	580	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
18	+ CS2	ấp Thuận Nam- xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc		x	5436	27180	2	5	158	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
19	Tiểu học Phước Lại	xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc		x	6963	34815	2	40	675	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
20	Tiểu học Trần Chí Nam	xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc		x	5217	39127.5	3	25	394	Thuộc diện	Chưa cấp	2014		
21	Tiểu học Long Hậu + CS1	xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc		x	5854	29270	2	21	672	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
22	Tiểu học Rạch Núi	xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc		x	8387	20967.5	1	32	746	Thuộc diện	Chưa cấp	2006		
23	Tiểu học Đông Thạnh+ CS1	xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc		x	5127	25635	2	25	342	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
24	+ CS2	xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc		x	3611	9027.5	1	8	213	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
25	Tiểu học Tân Tập	xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc		x	7852	58890	3	36	864	Thuộc diện	Chưa cấp	2017		
26	Tiểu học Tân Tập 1	xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc		x	5013	25065	2	27	307	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		
27	Tiểu học Phước Vĩnh Đông+ CS1	xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc		x	8785	43925	2	25	398	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
28	THCS Lợi Bình Nhơn	Số 487, Võ Duy Tạo, Ấp xuân Hòa, Xã Lợi Bình Nhơn		x	14264.5	106983.75	3	25	486	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
29	THCS Hướng Thọ Phú	Ấp 3- Xã Hướng Thọ Phú		x	9031	67732.5	3	12	609	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
	HUYỆN TÂN HƯNG													
1	THCS Thị Trấn Tân Hưng	TT.Tân Hưng, Tân Hưng		x	19,115	95,575	2	28	628	Thuộc diện	Chưa cấp	2006		
2	THCS Vĩnh Đại	Ấp Vĩnh Bửu, Vĩnh Đại		x	6,600	33,000	2	30	232	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
3	THCS Vĩnh Châu B	Ấp 2, Vĩnh Châu B		x	5,984	14,960	1	10	142	Thuộc diện	Chưa cấp	2015		
4	THCS Vĩnh Thạnh	Ấp Cái Tràm, Vĩnh Thạnh		x	7,049	35,245	2	22	202	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
5	THCS Vĩnh Lợi	Ấp Cả Sách, Vĩnh Lợi		x	3,432	17,160	2	22	171	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
6	THCS Thạnh Hưng	Ấp 4, Thạnh Hưng		x	11,830	59,150	2	10	136	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		
7	THCS Hưng Hà	Ấp Hà Tân, Hưng Hà		x	10,250	51,250	2	32	174	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
8	THCS Hưng Điền	Ấp Cây Me, Hưng Điền		x	4,396	21,980	2	32	278	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
9	TH&THCS Hưng Thạnh	Ấp Gò Gòn, Hưng Thạnh		x	18,580	92,900	2	32	355	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
10	TH&THCS Vĩnh Bửu	Ấp Võ Văn Be, Vĩnh Bửu		x	16,800	84,000	2	32	355	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
11	TH&THCS Vĩnh Châu A	Ấp Vĩnh Nguyên, Vĩnh Châu A		x	13,000	65,000	2	30	326	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
	HUYỆN TÂN THẠNH													
1	TH&THCS Nhơn Hòa Lập	Ấp Nguyễn Tán, xã Nhơn Hòa Lập, Tân Thạnh		x	16,940	84,700	2	51	514	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
2	THCS Tân Thành	Ấp 2, xã Tân Thành, Tân Thạnh		x	9,804	49,020	2	26	276	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
3	THCS Nhơn Ninh	Ấp Tân Chánh A, xã Nhơn Ninh, Tân Thạnh		x	5,445	27,225	2	32	407	Thuộc diện	Chưa cấp	1994		
4	THCS Lê Hữu Nghĩa	Ấp Kênh Văn Phòng, xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh		x	9,335	46,675	2	30	393	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
5	THCS Bắc Hòa	Ấp Nhơn Hòa, Xã Bắc Hòa, Tân Thạnh		x	13,337	66,685	2	27	372	Thuộc diện	Chưa cấp	2005		
6	THCS Kiến Bình	Ấp Bảy mét,xã Kiến Bình,huyện Tân Thạnh		x	4,587	22,935	2	21	323	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
7	THCS Thị Trấn	Khu phố 4, thị trấn, Tân Thạnh		x	12,550	62,750	2	37	712	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
8	TH và THCS Tân Bình	Ấp Cây Sao, xã Tân Bình, huyện Tân Thạnh		x	18,952	142,140	3	39	423	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
9	THCS Tân Ninh	Ấp Bằng Lăng, xã Tân Ninh, huyện Tân Thạnh		x	7,818	39,090	2	25	399	Thuộc diện	Chưa cấp	2022		
10	THCS Tân Lập	Ấp kênh Nhà Thờ, Xã Tân Lập, Tân Thạnh		x	9,853	73,898	3	15	512	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
11	THCS Huỳnh Việt Thanh	Ấp Ngọc Ấn xã Hậu Thạnh Tây, Tân Thạnh		x	8,056	60,420	3	30	342	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	HUYỆN TÂN TRỤ													

1	THCS Lê Đại Đường	Ấp 5 - Lạc Tấn, huyện Tân Trụ		x	7,419	55,640	3	43	965	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
2	TH&THCS Nguyễn Văn Đậu	Bình Hòa, Bình Lãng, huyện Tân Trụ		x	13,853	69,265	2	56	847	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
3	THCS Thị Trấn Tân Trụ	KP Tân Bình, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ		x	12,326	92,445	3	34	915	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
4	THCS Nhựt Tân	Ấp Bình Lợi - Xã Đức Tân, huyện Tân Trụ		x	8,710	43,550	2	30	472	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
5	THCS Nguyễn Văn Bộ	Ấp 1 Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ		x	9,773	48,865	2	19	502	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
6	THCS Nguyễn Thành Nam	Ấp 2 -Tân Bình, huyện Tân Trụ		x	6,397	31,985	2	14	379	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	HUYỆN THẠNH HÓA													
1	Trường TH&THCS Thạnh An+ CS2	Ấp 3- Thạnh An, huyện Thạnh Hóa		x	17106	85530	2	14	160	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
2	+ CS3	Ấp 4- Thạnh An, huyện Thạnh Hóa		x	2253	5632.5	1	7	120	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
3	Trường TH&THCS Thạnh Phú+ CS1	ấp Thạnh Lập, xã Thạnh Phú, huyện Thạnh Hóa		x	6515	32575	2	28	328	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
4	THCS Thuận Nghĩa Hòa	Ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa		x	11141	55705	2	26	218	Thuộc diện	Chưa cấp	2009		
5	Trường THCS Tân Tây	ấp 1, xã Tân Tây, huyện Thạnh Hóa		x	7877	39385	2	32	304	Thuộc diện	Chưa cấp	2004		
6	THCS Thủy Đông	Ấp Nước Trong, Thủy Đông, huyện Thạnh Hóa		x	11695	58475	2	23	172	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
7	Trường THCS Tân Đông	Ấp 3, Tân Đông, Thạnh Hóa		x	11351	56755	2	24	188	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
8	Trường THCS Thị Trấn Thạnh Hóa	Khu phố 2, Thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An		x	834944	4174720	2	24	803	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
9	Trường THCS Thạnh Phước	Ấp Cả sáu- Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa		x	7198	35990	2	17	366	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
10	Trường THCS Tân Hiệp	Ấp 2 xã Tân Hiệp, Thạnh Hóa		x	9345	23362.5	1	18	305	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
11	TrườngTHCS Thuận Bình	ấp Đồn A, Thuận Bình, Thạnh Hoá		x	6179	30895	2	25	118	Thuộc diện	Chưa cấp	2006		
12	Trường THCS Thủy Tây	Ấp 1 xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa		x	6392	31960	2	18	175	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	HUYỆN THỦ THỪA													
1	TH &THCS Tân Thành	Ấp 1, xã Tân Thành, huyện Thủ Thừa		x	28,174	140,870	2	55	543	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
2	THCS Thị Trấn Thủ Thừa	Ấp Cầu Xây, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa		x	10,350	51,750	2	45	1261	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
3	THCS Nhị Thành	Ấp 1, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa		x	8,097	60,728	3	36	650	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
4	THCS Bình Cang	Ấp Bình Cang 1, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa		x	10,469	52,345	2	30	452	Thuộc diện	Chưa cấp	2006		
5	THCS Bình An	Ấp Vàm Kinh, Xã Bình An, huyện Thủ Thừa		x	5,262	26,310	2	24	474	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
6	THCS Mỹ An	Ấp 3, xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa		x	13,416	67,080	2	36	886	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
7	THCS Mỹ Thạnh	Ấp 5, xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa		x	6,349	47,618	3	20	310	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
8	THCS Long Thạnh	Ấp 3, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa		x	8,134	40,670	2	27	294	Thuộc diện	Chưa cấp	2005		
9	THCS Mỹ Lạc	Ấp Bà Mía, xã Mỹ Lạc, huyện Thủ Thừa		x	14,502	72,510	2	41	662	Thuộc diện	Chưa cấp	2005		
	HUYỆN VĨNH HƯNG													
1	THCS Thị trấn Vĩnh Hưng	Đường Nguyễn thái Bình Khu phố II TTVH		x	11022	55110	2	40	807	Thuộc diện	Chưa cấp	2012		
2	THCS Thái Bình Trung	Ấp Trung Trực Xã Thái Bình Trung- VH -LA		x	4878	24390	2	17	230	Thuộc diện	Chưa cấp	2012		
4	TH & THCS Vĩnh Bình+ CS1	Ấp 1 xã Vĩnh Bình		x	10876	54380	2	22	230	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
5	+ CS2	Ấp 2 xã Vĩnh Bình		x	9040	22600	1	7	90	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
6	+ CS3	Ấp 2 xã Vĩnh Bình		x	22611	113055	2	22	260	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
7	TH & THCS Thái Trị + CS1	Ấp Thái Quang, Thái Trị, VH, LA (Điểm TH Thái Quang)		x	1408	7040	2	22	188	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
8	TH & THCS Tuyên Bình Tây + CS1	Cụm dân cư, ấp Cả Rưng, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An		x	5776	28880	2	24	258	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
9	+ CS2	Ấp Đầu Sấu, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An		x	8844	44220	2	10	112	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
10	+ CS3	Ấp Cả Cóc, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An		x	8915	22287.5	1	5	51	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		

11	+ CS4	Ấp cả Gừa, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An		x	4684.5	11711.25	1	8	86	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
12	+ CS5	Ấp Cả Rưng, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An		x	10512	52560	2	10	125	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
	HUYỆN CẦN GIUỘC													
1	Trường TH&THCS Phước Hậu+ CS1	xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc		x	9484	47420	2	12	488	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
2	+ CS2	xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc		x	3205	24037.5	3	14	767	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
3	Trường TH&THCS Long Phụng+ CS1	xã Long Phụng, huyện Cần Giuộc		x	8536	42680	2	36	705	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
4	Trường TH&THCS Phước Vĩnh Tây	xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc		x	12209	61045	2	45	900	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		
5	Trường THCS Nguyễn Văn Chính	xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc		x	12096	60480	2	26	731	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
6	Trường THCS Nguyễn An Ninh	xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc		x	7964	39820	2	33	766	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
7	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu+ CS2	ấp Lộc Tiền, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc		x	8681	65107.5	3	40	1016	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
8	Trường THCS Hồ Văn Long	xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc		x	4445	33337.5	3	34	517	Thuộc diện	Chưa cấp	2004		
9	Trường THCS Trương Văn Bang	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	8802	44010	2	38	872	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
10	Trường THCS Nguyễn Thị Bảy	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	8800	44000	2	36	1277	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
11	Trường THCS Thuận Thành	xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc		x	10760	53800	2	22	594	Thuộc diện	Chưa cấp	2007		
12	Trường THCS Long Hậu	xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc		x	17297	86485	2	25	604	Thuộc diện	Chưa cấp	2001		
13	Trường THCS Đông Thạnh	xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc		x	12196	91470	3	48	1106	Thuộc diện	Chưa cấp	1990		
14	Trường THCS Tân Tập + CS1	xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc		x	5484	27420	2	30	947	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
15	+ CS2	xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc			9516	71370	3	13	0	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
16	Trường THCS Phước Vĩnh Đông	xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc		x	8254	41270	2	30	451	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
	TRUNG HỌC CƠ SỞ 131 CƠ SỞ													
	Tên cơ sở	**Địa chỉ**	**Vốn đầu tư**		**Quy mô**					**Thẩm duyệt PCCC**	**Nghiệm thu PCCC**	**Năm đưa vào hoạt động**	**Ghi chú**	
			Tư nhân	**Nhà nước**	**Diện tích**	**Khối tích**	**Số tầng**	**Số phòng**	**Số HS/SV**					
	HUYỆN BẾN LỨC													
1	THCS An Thạnh	Ấp 4, xã An Thạnh , Bến Lức, Long An		x	8,643	43,215	2	32	1075	Thuộc diện	Chưa cấp	1998		
2	THCS Gò Đen	Khu II, Ấp Chợ, xã Phước Lợi, Bến Lức, Long An		x	12,146	60,732	2	28	1426	Thuộc diện	Chưa cấp	1991		
3	THCS Lương Bình	Ấp 4, xã Lương Bình , Bến Lức, Long An		x	13,304	66,520	2	20	444	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
4	THCS Nhựt Chánh	Ấp 2, xã Nhựt Chánh, Bến Lức, Long An		x	5,622	28,110	2	23	924	Thuộc diện	Chưa cấp	1994		
5	THCS Thạnh Hoà	Ấp 2, xã Thạnh Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An		x	7,336	36,680	2	19	413	Thuộc diện	Chưa cấp	1996		
6	THCS Trần Thế Sinh	Ấp 5, Xã Thạnh Đức, Bến Lức, Long An.		x	21,511	107,555	2	42	835	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
7	THCS TT Bến Lức	KP 10, TTBL, Huyện Bến Lức, Long An		x	7,358	55,185	3	34	892	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
8	TH&THCS Thanh Phú	Ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Phú, huyện Bến lức, tỉnh Long An		x	16,402	82,010	2	51	1550	Thuộc diện	Chưa cấp	2017		
9	TH&THCS Võ Công Tồn	Ấp Chánh, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An		x	26,332	65,830	1	48	1312	Thuộc diện	Chưa cấp	2014		
10	TH&THCS Ng Văn Hiền	Ấp 5, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An		x	19,615	147,113	3	65	1511	Thuộc diện	Chưa cấp	2014		
11	TH&THCS Thạnh Lợi	Ấp 5, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An		x	14,235	71,175	2	42	1027	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
12	TH&THCS Bình Đức	Ấp Kênh Ngay, Bình Đức, Bến Lức, Long An		x	10,257	51,287	2	49	786	Thuộc diện	Chưa cấp	2014		
13	TH&THCS Tân Bửu	Ấp 2, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An		x	10,321	51,605	2	59	1220	Thuộc diện	Chưa cấp	2020		
	HUYỆN CẦN ĐƯỚC													

1	THCS Long Hựu Đông	Ấp Chợ, xã Long Hựu Đông		x	12,612	63,062	2	41	982	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
2	THCS Tân An	Ấp 6, Tân An,		x	7,366	36,830	2	37	457	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
3	THCS Phước Vân	ấp 2, xã Phước Vân		x	7,587	37,935	2	27	801	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
4	THCS Thị Trấn Cần Đước	Khu 2 Thị Trấn Cần Đước		x	10,594	79,455	3	40	1329	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
5	THCS Tân Lân	ấp Ao Gòn, xã Tân Lân		x	14,412	108,090	3	39	1030	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
6	THCS Long Hựu Tây	ấp Hựu Lộc, xã Long Hựu Tây		x	8,084	40,420	2	27	440	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
7	THCS Long Hòa	ấp 5, xã Long Hòa		x	13,244	66,218	2	27	1927	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
8	THCS Mỹ Lệ	Ấp Rạch Đào, xã Mỹ Lệ		x	8,907	44,535	2	28	471	Thuộc diện	Chưa cấp	2006		
9	THCS Tân Chánh	Ấp Đông Trung xã Tân Chánh		x	16,000	120,000	3	36	642	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
	HUYỆN CHÂU THÀNH													
1	THCS Vĩnh Công	Ấp 6, xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành		x	5,794	28,970	2	24	590	Thuộc diện	Chưa cấp	1971		
2	THCS TT Tầm Vu	Khu phố 2, Thị trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành		x	10,795	80,963	3	55	1399	Thuộc diện	Chưa cấp	2001		
3	THCS Long Trì	ấp Long Thành, xã Long Trì, huyện Châu Thành		x	10,674	53,370	2	26	355	Thuộc diện	Chưa cấp	1995		
4	THCS An Lục Long	Ấp Lộ Đá xã An Lục Long -huyện Châu Thành		x	5,938	29,690	2	33	524	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
5	THCS Thanh Phú Long	Đường 827 B ấp Thanh Tân, Xã Thanh Phú Long, Huyện Châu Thành		x	10,775	53,875	2	32	955	Thuộc diện	Chưa cấp	1982		
6	THCS Thuận Mỹ	Ấp Bình Trị 1, xã Thuận Mỹ, Châu Thành		x	9,178	45,892	2	35	735	Thuộc diện	Chưa cấp	2014		
7	THCS Nguyễn Văn Thăng	xã Bình Quới, huyện Châu Thành		x	6,194	30,970	2	35	707	Thuộc diện	Chưa cấp	1983		
8	THCS Thanh Vĩnh Đông	ấp Xuân Hòa 1 xã Thanh Vĩnh Đông huyện Châu Thành		x	7,157	35,783	2	28	339	Thuộc diện	Chưa cấp	2006		
	HUYỆN ĐỨC HÒA													
1	TH&THCS Mỹ Hạnh Nam	Ấp Mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa		x	14,041	105,308	3	53	2040	Thuộc diện	Chưa cấp	2021		
2	THCS Hiệp Hòa	Khu phố 1, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa		x	20,925	104,625	2	39	774	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
3	THCS Thi Văn Tám	Ấp Thuận Hòa 2, Hòa Khánh Nam, Đức Hòa		x	7,522	37,610	2	38	1338	Thuộc diện	Chưa cấp	1992		
4	THCS Võ Văn Tần	Khu 3 thị trấn Đức Hòa,H Đức Hòa,		x	10,000	50,000	2	53	3248	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
5	THCS Mỹ Hạnh	Ấp Tràm lạc, Xã MHB, H. Đức Hòa		x	5,101	25,505	2	39	1955	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
6	THCS Trương Minh Bạch	Ấp Chánh, xã Đức Lập Thượng-Đức Hòa		x	23,149	173,618	3	50	1801	Thuộc diện	Chưa cấp	2022		
	THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG													
1	TH&THCS Võ Văn Kiệt	Ấp Cái Đôi Đông, xã Bình Tân, TX Kiến Tường		x	30,230	151,150.0	2	28	389	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
2	THCS Võ Duy Dương	89 QL 62, KP3, P2, TX Kiến Tường		x	10,746	53,730.0	2	51	1624	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
3	THCS Trần Văn Trà	Ấp Bàu Vuông xã Thạnh Hưng, TX Kiến Tường		x	10,023	50,115.0	2	18	316	Thuộc diện	Chưa cấp	1999		
4	THCS Nguyễn Hồng Sến	Ấp Bắc Chan 2, xã Tuyên Thạnh, TX Kiến Tường		x	8,223	41,115.0	2	18	342	Thuộc diện	Chưa cấp	1998		
5	THCS Lê Quý Đôn	Ấp Ông Nhan Đông,xã Bình Hiệp, TX Kiến Tường		x	9,888	49,440.0	2	18	298	Thuộc diện	Chưa cấp	1996		
6	THCS Trần Văn Giàu	ẤP 1, xã Thạnh Trị,TX		x	9,818	49,090.0	2	16	183	Thuộc diện	Chưa cấp	2005		
	HUYỆN MỘC HÓA													
1	THCS Bình Hòa Tây	Ấp Gò Dô, xã Bình Hòa Tây, huyện Mộc Hóa		x	8,283	62,123	3	30	124	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
2	THCS Tân Lập	Ấp 3, xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa		x	9,925	49,625	2	10	425	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
3	TH&THCS Bình Hòa Đông	Ấp 1, xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa		x	9,669	48,343	2	20	514	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
4	TH&THCS Bình Thạnh	ấp Gò Dô Nhỏ, xã Bình Thạnh, huyện Mộc Hoá		x	50,009	250,046	2	22	396	Thuộc diện	Chưa cấp	2020		
	THÀNH PHỐ TÂN AN													

1	THCS Khánh Hậu	Số 110, hẻm 1, khu phố Quyết Thắng 1, đường Nguyễn Huỳnh Đức, P. Khánh Hậu		x	4,414	33,102	3	33	774	Thuộc diện	Chưa cấp	2001		
2	THCS Lý Tự Trọng	560 QL1, Phường 4, TP Tân An, tỉnh Long An		x	7,646	57,345	3	44	1062	Thuộc diện	Chưa cấp	1987		
3	THCS Nhựt Tảo	70, Nguyễn Huệ, P1		x	6,715	67,150	4	36	1666	Thuộc diện	Chưa cấp	1989		
4	THCS cần Đốt	44, Huỳnh Châu Sổ, P6		x	16,500	123,750	3	30	373	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
5	THCS Lợi Bình Nhơn	Số 487, Võ Duy Tạo, Ấp xuân Hòa, Xã Lợi Bình Nhơn		x	14,265	106,984	3	25	486	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
6	THCS Hướng Thọ Phú	Ấp 3- Xã Hướng Thọ Phú		x	9,031	67,733	3	12	609	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
	HUYỆN TÂN HƯNG													
1	THCS Thị Trấn Tân Hưng	TT.Tân Hưng, Tân Hưng		x	19,115	95,575	2	28	628	Thuộc diện	Chưa cấp	2006		
2	THCS Vĩnh Đại	Ấp Vĩnh Bửu, Vĩnh Đại		x	6,600	33,000	2	30	232	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
3	THCS Vĩnh Châu B	Ấp 2, Vĩnh Châu B		x	5,984	14,960	1	10	142	Thuộc diện	Chưa cấp	2015		
4	THCS Vĩnh Thạnh	Ấp Cái Tràm, Vĩnh Thạnh		x	7,049	35,245	2	22	202	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
5	THCS Vĩnh Lợi	Ấp Cả Sách, Vĩnh Lợi		x	3,432	17,160	2	22	171	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
6	THCS Thạnh Hưng	Ấp 4, Thạnh Hưng		x	11,830	59,150	2	10	136	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		
7	THCS Hưng Hà	Ấp Hà Tân, Hưng Hà		x	10,250	51,250	2	32	174	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
8	THCS Hưng Điền	Ấp Cây Me, Hưng Điền		x	4,396	21,980	2	32	278	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
9	TH&THCS Hưng Thạnh	Ấp Gò Gòn, Hưng Thạnh		x	18,580	92,900	2	32	355	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
10	TH&THCS Vĩnh Bửu	Ấp Võ Văn Be, Vĩnh Bửu		x	16,800	84,000	2	32	355	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
11	TH&THCS Vĩnh Châu A	Ấp Vĩnh Nguyên, Vĩnh Châu A		x	13,000	65,000	2	30	326	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
	HUYỆN TÂN THẠNH													
1	TH&THCS Nhơn Hòa Lập	Ấp Nguyễn Tấn, xã Nhơn Hòa Lập, Tân Thạnh		x	16,940	84,700	2	51	514	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
2	THCS Tân Thành	Ấp 2, xã Tân Thành, Tân Thạnh		x	9,804	49,020	2	26	276	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
3	THCS Nhơn Ninh	Ấp Tân Chánh A, xã Nhơn Ninh, Tân Thạnh		x	5,445	27,225	2	32	407	Thuộc diện	Chưa cấp	1994		
4	THCS Lê Hữu Nghĩa	Ấp Kênh Văn Phòng, xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh		x	9,335	46,675	2	30	393	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
5	THCS Bắc Hòa	Ấp Nhơn Hòa, Xã Bắc Hòa, Tân Thạnh		x	13,337	66,685	2	27	372	Thuộc diện	Chưa cấp	2005		
6	THCS Kiến Bình	Ấp Bảy mét,xã Kiến Bình,huyện Tân Thạnh		x	4,587	22,935	2	21	323	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
7	THCS Thị Trấn	Khu phố 4, thị trấn, Tân Thạnh		x	12,550	62,750	2	37	712	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
8	TH và THCS Tân Bình	Ấp Cây Sao, xã Tân Bình, huyện Tân Thạnh		x	18,952	142,140	3	39	423	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
9	THCS Tân Ninh	Ấp Bằng Lăng, xã Tân Ninh, huyện Tân Thạnh		x	7,818	39,090	2	25	399	Thuộc diện	Chưa cấp	2022		
10	THCS Tân Lập	Ấp kênh Nhà Thờ, Xã Tân Lập, Tân Thạnh		x	9,853	73,898	3	15	512	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
11	THCS Huỳnh Việt Thanh	Ấp Ngọc An xã Hậu Thạnh Tây, Tân Thạnh		x	8,056	60,420	3	30	342	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	HUYỆN TÂN TRỤ													
1	THCS Lê Đại Đường	Ấp 5 - Lạc Tấn, huyện Tân Trụ		x	7,419	55,640	3	43	965	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
2	TH&THCS Nguyễn Văn Đậu	Bình Hòa, Bình Lãng, huyện Tân Trụ		x	13,853	69,265	2	56	847	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
3	THCS Thị Trấn Tân Trụ	KP Tân Bình, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ		x	12,326	92,445	3	34	915	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
4	THCS Nhựt Tân	Ấp Bình Lợi - Xã Đức Tân, huyện Tân Trụ		x	8,710	43,550	2	30	472	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
5	THCS Nguyễn Văn Bộ	Ấp 1 Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ		x	9,773	48,865	2	19	502	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
6	THCS Nguyễn Thành Nam	Ấp 2 -Tân Bình, huyện Tân Trụ		x	6,397	31,985	2	14	379	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	HUYỆN THẠNH HÓA													
1	*Trường TH&THCS Thạnh An - CS2*	*Ấp 3- Thạnh An, huyện Thạnh Hóa*		x	*17,106*	*85,530*	*2*	*14*	*160*	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
2	+ CS3	*Ấp 4- Thạnh An, huyện Thạnh Hóa*		x	*2,253*	*5,633*	*1*	*7*	*120*	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
3						-								

4	*Trường TH&THCS Thạnh Phú + CS1*	*ấp Thạnh Lập, xã Thạnh Phú, huyện Thạnh Hóa*		x	*6,515*	*32,575*	*2*	*28*	*328*	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
5	THCS Thuận Nghĩa Hòa	Ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa		x	11,141	55,705	2	26	218	Thuộc diện	Chưa cấp	2009		
6	Trường THCS Tân Tây	ấp 1, xã Tân Tây, huyện Thạnh Hóa		x	7,877	39,385	2	32	304	Thuộc diện	Chưa cấp	2004		
7	THCS Thủy Đông	Ấp Nước Trong, Thủy Đông, huyện Thạnh Hóa		x	11,695	58,475	2	23	172	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
8	Trường THCS Tân Đông	Ấp 3, Tân Đông, Thạnh Hóa		x	11,351	56,755	2	24	188	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
9	Trường THCS Thị Trấn Thạnh Hóa	Khu phố 2, Thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An		x	834,944	4,174,720	2	24	803	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
10	Trường THCS Thạnh Phước	Ấp Cả sáu- Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa		x	7,198	35,990	2	17	366	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
11	Trường THCS Tân Hiệp	Ấp 2 xã Tân Hiệp, Thạnh Hóa		x	9,345	23,363	1	18	305	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
12	TrườngTHCS Thuận Bình	ấp Đồn A, Thuận Bình, Thạnh Hoá		x	6,179	30,895	2	25	118	Thuộc diện	Chưa cấp	2006		
13	Trường THCS Thủy Tây	Ấp 1 xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa		x	6,392	31,960	2	18	175	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	HUYỆN THỦ THỪA													
1	TH &THCS Tân Thành	Ấp 1, xã Tân Thành, huyện Thủ Thừa		x	28,174	140,870	2	55	543	Thuộc diện	Chưa cấp	2019		
2	THCS Thị Trấn Thủ Thừa	Ấp Cầu Xây, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa		x	10,350	51,750	2	45	1261	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
3	THCS Nhị Thành	Ấp 1, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa		x	8,097	60,728	3	36	650	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
4	THCS Bình Cang	Ấp Bình Cang 1, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa		x	10,469	52,345	2	30	452	Thuộc diện	Chưa cấp	2006		
5	THCS Bình An	Ấp Vàm Kinh, Xã Bình An, huyện Thủ Thừa		x	5,262	26,310	2	24	474	Thuộc diện	Chưa cấp	2003		
6	THCS Mỹ An	Ấp 3, xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa		x	13,416	67,080	2	36	886	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
7	THCS Mỹ Thạnh	Ấp 5, xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa		x	6,349	47,618	3	20	310	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
8	THCS Long Thạnh	Ấp 3, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa		x	8,134	40,670	2	27	294	Thuộc diện	Chưa cấp	2005		
9	THCS Mỹ Lạc	Ấp Bà Mía, xã Mỹ Lạc, huyện Thủ Thừa		x	14,502	72,510	2	41	662	Thuộc diện	Chưa cấp	2005		
	HUYỆN VĨNH HƯNG													
1	THCS Thị trấn Vĩnh Hưng	Đường Nguyễn thái Bình Khu phố II TTVH		x	11,022	55,110	2	40	807	Thuộc diện	Chưa cấp	2012		
2	THCS Thái Bình Trung	Ấp Trung Trực Xã Thái Bình Trung- VH -LA		x	4,878	24,390	2	17	230	Thuộc diện	Chưa cấp	2012		
3	TH & THCS Vĩnh Bình + CS1	Ấp 1 xã Vĩnh Bình		x	10,876	54,380	2	22	230	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
4	+ CS2	Ấp 2 xã Vĩnh Bình		x	9,040	22,600	1	7	90	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
5	+ CS3	Ấp 2 xã Vĩnh Bình		x	22,611	113,055	2	22	260	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
7	TH & THCS Thái Trị+ CS1	Ấp Thái Quang,Thái Trị, VH, LA (Điểm TH Thái Quang)		x	1,408	7,040	2	22	188	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
9	TH & THCS Tuyên Bình Tây + CS1	Cụm dân cư, ấp Cả Rưng, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An		x	5,776	28,880	2	24	258	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
10	+ CS2	Ấp Đầu Sầu, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An		x	8,844	44,220	2	10	112	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
11	+ CS3	Ấp Cả Cóc, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An		x	8,915	22,288	1	5	51	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
12	+ CS4	Ấp cả Gừa, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An		x	4,685	11,711	1	8	86	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
13	+ CS5	Ấp Cả Rưng, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An		x	10,512	52,560	2	10	125	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
	HUYỆN CẦN GIUỘC													
1	Trường TH&THCS Phước Hậu+ CS1	xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc		x	9484	47,420.0	2	12	488	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
2	+ CS2	xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc		x	3205	24,037.5	3	14	767	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
3	Trường TH&THCS Long Phụng+ CS1	xã Long Phụng, huyện Cần Giuộc		x	8536	42,680.0	2	36	705	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
4	Trường TH&THCS Phước Vĩnh Tây	xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc		x	12209	61,045.0	2	45	900	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		
5	Trường THCS Nguyễn Văn Chính	xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc		x	12096	60,480.0	2	26	731	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		

6	Trường THCS Nguyễn An Ninh	xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc		x	7964	39,820.0	2	33	766	Thuộc diện	Chưa cấp	1997		
7	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu+ CS2	ấp Lộc Tiền, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc		x	8681	65,107.5	3	40	1016	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
8	Trường THCS Hồ Văn Long	xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc		x	4445	33,337.5	3	34	517	Thuộc diện	Chưa cấp	2004		
9	Trường THCS Trương Văn Bang	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	8802	44,010.0	2	38	872	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
10	Trường THCS Nguyễn Thị Bảy	TTCG, huyện Cần Giuộc		x	8800	44,000.0	2	36	1277	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
11	Trường THCS Thuận Thành	xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc		x	10760	53,800.0	2	22	594	Thuộc diện	Chưa cấp	2007		
12	Trường THCS Long Hậu	xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc		x	17297	86,485.0	2	25	604	Thuộc diện	Chưa cấp	2001		
13	Trường THCS Đông Thạnh	xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc		x	12196	91,470.0	3	48	1106	Thuộc diện	Chưa cấp	1990		
14	+ CS1	xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc		x	5484	27,420.0	2	30	947	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
15	+ CS2	xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc			9516	71,370.0	3	13	0	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
16	Trường THCS Phước Vĩnh Đông	xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc		x	8254	41,270.0	2	30	451	Thuộc diện	Chưa cấp	2000		
	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 19 CƠ SỞ													
	Tên cơ sở	**Địa chỉ**	**Vốn đầu tư**		**Quy mô**					**Thẩm duyệt PCCC**	**Nghiệm thu PCCC**	**Năm đưa vào HĐ**		
			Tư nhân	**Nhà nước**	**Diện tích (m^2)**	**Khối tích (m^3)**	**Số tầng**	**Số phòng**	**Số HS/SV**					
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
	HUYỆN CẦN ĐƯỚC													
	Trường THPT Chu Văn An	Khu 1B, thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước		x	12,850	64,250	2	20	856	Thuộc diện	Chưa cấp	2012		
	Trường THPT Rạch Kiến	Ấp 5, xã Long Hòa, huyện Cần Đước		x	45,788	343,410	3	62	1,885	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
	- Điểm THCS	*Ấp 3 Xã Long Cang, huyện Cần Đước*		*x*	*12,940*	*64,700*	*2*	*33*	*1,247*	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	HUYỆN CẦN GIUỘC													
	Trường THPT Cần Giuộc	Khu phố Hòa Thuận 1, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc		x	39,064	292,980	3	53	1,538	Thuộc diện	Chưa cấp	1977		
	Trường THCS&THPT Nguyễn Thị M	ấp Tân Thanh B, xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc		x	11,048	55,240	2	47	1,471	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
	HUYỆN BẾN LỨC													
	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Ấp Phước Tú, xã Thanh Phú, huyện Bến Lức		x	45,167	225,835	2	44	3,302	Thuộc diện	Chưa cấp	2002		
	Trường THPT Gò Đen	Ấp 4, Phước Lợi, Bến Lức, Long An		x	38,040	285,300	3	44	1,501	Thuộc diện	Chưa cấp	2013		
	Trường TH, THCS và THPT iSchooL Long An	Số 6, đường Mai Thị Non, khu phố 3, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức	x		11,873	89,048	3	27	565	Thuộc diện	Chưa cấp	2016		
	HUYỆN ĐỨC HÒA													
	Trường THPT Đức Hòa	KP4, Thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa		x	45,036	337,770	3	52	1,901	Thuộc diện	Chưa cấp	2012		
	Trường THPT Võ Văn Tần	Khu vực 3, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa		x	9,962	24,905	1	32	1,757	Thuộc diện	Chưa cấp	2012		
	HUYỆN ĐỨC HUỆ													
	Trường THCS&THPT Mỹ Quý	Ấp 1, xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ		x	14,000	105,000	3	35	1,089	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	HUYỆN THỦ THỪA													
	Trường THPT Thủ Thừa	Khu phố Cầu Xây, thị Trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa		x	39,917	299,378	3	44	1,688	Thuộc diện	Chưa cấp	2008		
	Trường TH-THCS& THPT Bồ Đề Phương Duy	K3, Ô1, Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa	x		998	7,485	3	15	770	Thuộc diện	Chưa cấp	2012		
	THÀNH PHỐ TÂN AN													
	Trường THPT Lê Quý Đôn	404, QL1A, Phường 4, Thành phố Tân An		x	12,050	90,375	3	60	1,443	Thuộc diện	Chưa cấp	2011		
	Trường THCS&THPT Nguyễn Văn Rành	413, Bình Nam, Bình Tâm, Tp.Tân An	x		3,800	19,000	2	18	90	Thuộc diện	Chưa cấp	2018		
	Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh L	399 ấp Bình Nam, xã Bình Tâm, thành phố Tân An		x	9,900	74,250	3	53	280	Thuộc diện	Chưa cấp	2010		
	HUYỆN CHÂU THÀNH													

	Trường THPT Nguyễn Thông	Số 2B khu phố Phú Thạnh, thị trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành		x	36,455	273,413	3	57	1,906	Thuộc diện	Chưa cấp	2001		
	HUYỆN TÂN THẠNH													
	- Điểm THCS	*Ấp Nguyễn Rớt, xã Hậu Thạnh Đông, huyện Tân Thạnh*		*x*	*31,186*	*233,895*	*3*	*30*	*510*	Thuộc diện	Chưa cấp	2004		
	THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG													
	Trường THPT Kiến Tường	365, Lê Lợi, Khu Phố 5, Phường 1, Thị xã Kiến Tường		x	64,806	486,045	3	116	1,086	Thuộc diện	Chưa cấp	Đã trình PA PCCC		

ĐẠI HỌC CAO ĐẲNG 01 CƠ SỞ

Tên cơ sở	Địa chỉ	Vốn đầu tư		Quy mô					Thẩm duyệt PCCC	Nghiệm thu PCCC	Ghi chú		
		Tư nhân	Nhà nước	Diện tích (m^2)	Khối tích (m^3)	Số tầng	Số phòng	Số HS/SV					
Trường Cao đẳng sư phạm Long An	Phường Khánh Hậu, thành phố Tân An		x	26.787m					Thuộc diện	Chưa cấp	1992		